

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Số 1149 /VP-TMDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 15 tháng 6 năm 2013

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC)

Trụ sở chính: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12, Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 84.8.54112323

Fax: 84.8.54112332

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Văn Mạnh

Địa chỉ: B1111 Tầng 11 Chung cư Hoàng Anh, Số 357 Lê Văn Lương, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại di động: 0903722515

Điện thoại cố định: 84.8.54112323

Fax: 84.8.54112332

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2012 của Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

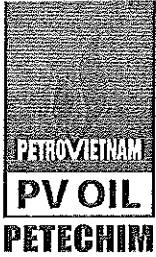
Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VP, NXTG-03

Người thực hiện công bố thông tin





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC)
NĂM 2012

(Ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC, ngày 26 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**
PETROLEUM TRADING JOINT STOCK COMPANY
PETECHIM JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần: 0305447723
- Vốn điều lệ : 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng)
- Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : (84-8) 54112323
- Số fax : (84-8) 54112332
- Website : www.petechim.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Thương hiệu Petechim chính thức ra đời từ năm 1981 với vai trò là nhà cung cấp thiết bị, vật tư, máy móc cho ngành dầu khí non trẻ của Việt Nam. Đến năm 1994, Petechim được chuyển giao cho PetroVietnam với tên gọi là Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và trở thành một trong những nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật, thương mại và cung ứng thiết bị, vật tư, máy móc cũng như các công trình đồng bộ hàng đầu của Việt Nam.
- Công ty Thương mại Dầu khí, tên giao dịch viết tắt là "Petechim", được thành lập theo Quyết định số 1212/DK-TCNS ngày 05/10/1994 hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - PetroVietnam).
- Ngày 27/09/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 215/2006/QĐ-TTg về việc "Chuyển Công ty Thương mại Dầu khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên".

Handwritten signature

- Ngày 11/10/2007, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 3458/QĐ-DKVN về việc “Thành lập Công ty mẹ Tổng công ty Thương mại Dầu khí” với công ty mẹ là Tổng công ty Thương mại Dầu khí và công ty con là các công ty trực thuộc và các công ty có vốn góp của Tổng công ty Petechim.

Theo đó, Hội đồng Thành viên Tổng công ty Thương mại Dầu khí đã ban hành Quyết định số 459/QĐ-TMDK về việc “Thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim” trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Phòng Kinh doanh Tổng hợp, Phòng Đại lý Giao nhận và Phòng Nhập của Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim).

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim (tên giao dịch viết tắt là Petechim Servimex) có 51% vốn góp của Tổng công ty Thương mại Dầu khí, sau khi được thành lập kế thừa toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí của Tổng công ty Petechim.

- Tiếp tục tiến trình sắp xếp các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, ngày 06/06/2008, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành quyết định hợp nhất Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) thành công ty TNHH MTV Tổng công ty Dầu Việt Nam (tên giao dịch viết tắt là PV Oil).
- Sau khi thành lập PV Oil, thương hiệu Petechim chính thức được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim. Ngày 28/10/2008, Petechim Servimex chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim).

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim) là đơn vị kế thừa toàn bộ các hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí cũng như thương hiệu của Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) trước đây. Công ty CP Petechim tiếp tục phát triển với chủ trương đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, mở rộng phân khúc thị trường từ lĩnh vực thượng nguồn (upstream) sang lĩnh vực hạ nguồn (downstream) của ngành dầu khí và hướng đến phục vụ các ngành công nghiệp khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong hai năm 2011 và 2012:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: Mua bán thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp. Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm	4669
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý vận tải biển.	5229

Handwritten signature

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Dịch vụ đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển.	
3	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - chi tiết: Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
4	Đại lý, môi giới, đấu giá - chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở)	4610
5	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7	Lập trình máy vi tính	6201
8	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
11	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9511

– Địa bàn kinh doanh:

- Trụ sở cũ: Tầng 7, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Trụ sở mới: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

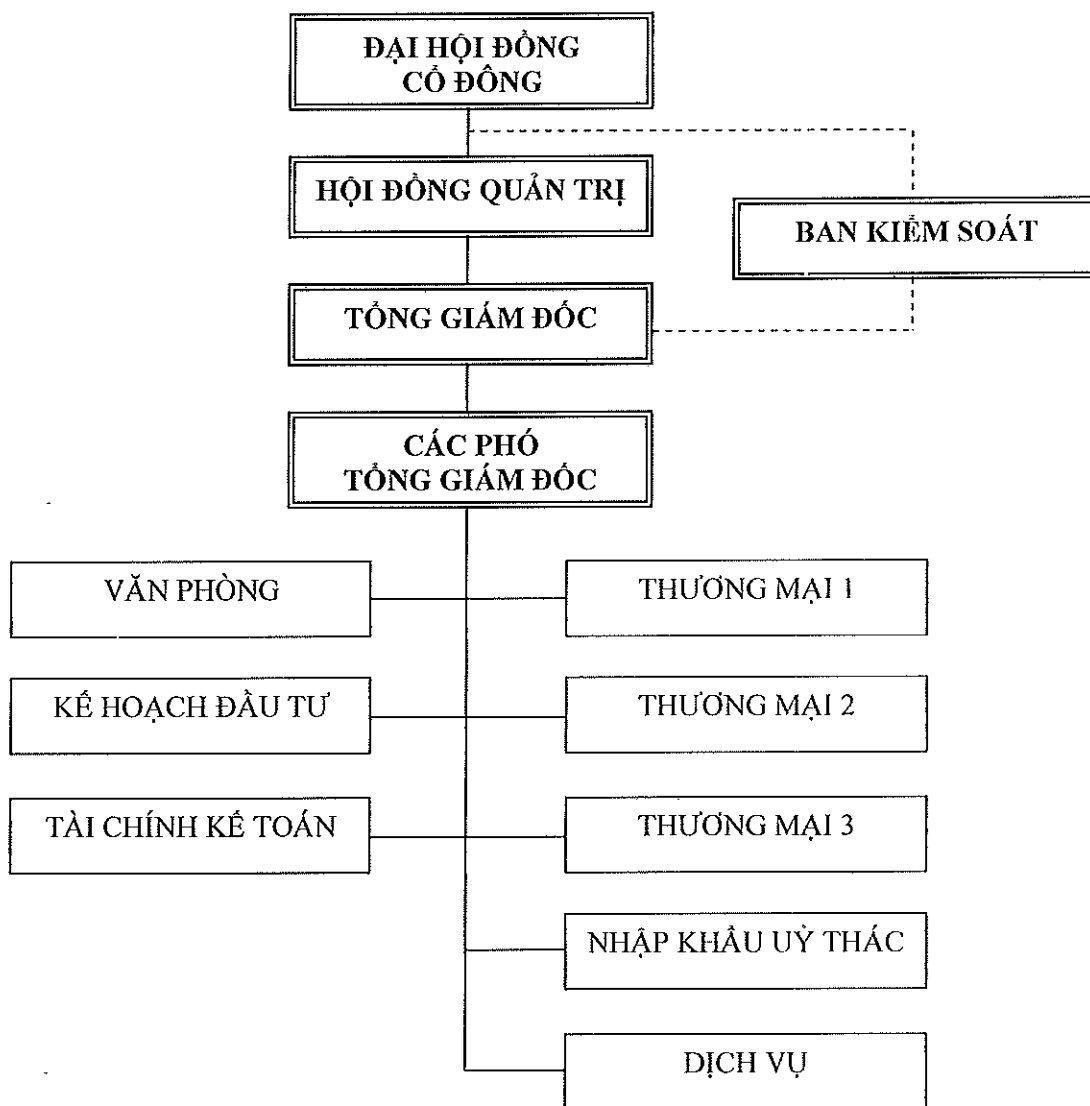
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm có:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc điều hành.

– Mô hình quản trị:

enck



– Các công ty con, công ty liên kết:

S T T	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty con	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI NĂNG LƯỢNG XANH (GEC) (Địa chỉ: Ô1, Ấp Bắc, Xã Hòa Long, Thị xã BR-VT)	Mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ; Sản xuất, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ; Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm năng lượng thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học; Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô; Xây dựng công trình dân dụng; công trình công nghiệp.	9,526,687,800	51%

Handwritten signature

S T T	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
2	Công ty liên kết	<p>CÔNG TY CP HẬU CẦN DẦU KHÍ (PVLSC)</p> <p>(Địa chỉ: Khu Trung tâm DV Công Cộng, Khu Kinh tế Nghi Sơn, Xã Hải Thượng, H. Tĩnh Gia, T. Thanh Hóa)</p>	<p>Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ lưu trú (bao gồm cả khách sạn, biệt thự, nhà trợ); Kinh doanh dịch vụ ăn uống: nhà hàng, quầy bar, phục vụ suất ăn công nghiệp, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ điện tử, tín học, dịch vụ internet; Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng; Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Dịch vụ sửa chữa, hiệu chỉnh, kiểm định máy móc, thiết bị công nghiệp, dầu khí, xăng dầu; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy; Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất, hóa phẩm ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông - lâm - ngư nghiệp; Mua bán trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, trang thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị bảo vệ môi trường; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn đương; Dịch vụ đại lý tàu biển, vận tải đường biển; Vận tải hành khách đường bộ; Vận tải hàng hóa đường bộ; Cho thuê ô tô; Kho bãi</p>	2,500,000,000	25%

S T T	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			<p>và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ khác liên quan đến vận tải; Tư vấn đấu thầu, quản lý dự án; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Dịch vụ vệ sinh giặt là; Các dịch vụ phục vụ cá nhân khác; Dịch vụ du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Cung ứng dịch vụ và các cơ sở luyện tập thể dục thể thao; Nhà thuốc, phòng khám, cơ sở y tế.</p>		
3	Góp vốn	<p>CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ SÀI GÒN (PV Oil Sài Gòn)</p> <p>(Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Petroland, Số 12, Đường Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM)</p>	<p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Khai thác dầu thô (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn phế liệu, phế thải, thuốc trừ sâu); Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải đường ống; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội</p>	11,000,000,000	5.50%

S T T	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...); Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây lâu năm khác; Trồng cây ăn quả.		
4	Góp vốn	CÔNG TY CP SẢN XUẤT & CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ (PV Oil Phú Mỹ) (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Mép, Xã Tân Phước, H. Tân Thành, Tỉnh BR-VT)	Bán buôn / bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Sản xuất và chế biến nhiên liệu dung môi; Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanoil fuel, Biodiesel); Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học; Mua bán thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Mua bán phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Mua bán vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ.	10,000,000,000	2%
5	Góp vốn	CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ MIỀN	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	3,000,000,000	2.14%

mult

S T T	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
		<p>TRUNG (PV Oil Miền Trung)</p> <p>(Địa chỉ: 92-94, Lê Trung Đình, P. Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi)</p>	<p>[Mua bán dầu thô, mua bán xăng dầu, mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, mua bán nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, biodiesel)]; Cho thuê xe có động cơ; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng; Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp; Kinh doanh thiết bị, vật tư ngành dầu khí); Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Dịch vụ đại lý cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu [Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động, mua bán phân bón, mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất cấm)]; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn).</p>		
6	Góp vốn	<p>CÔNG TY CP XÂY DỰNG TRANG TRÍ NỘI THẤT ADC</p> <p>(Địa chỉ: Phòng 01, Tầng 08, Cao ốc Capital Tower, Số 6, Nguyễn Khắc Viện, P. Tân</p>	<p>Sản xuất vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; Sản xuất bê tông tươi, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa nóng. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch. Dịch vụ</p>	17,000,000,000	8.43%

S T T	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
		Phong, Q. 7, TP. HCM)	xây dựng công trình thương mại. Dịch vụ xây dựng công trình công nghiệp. Dịch vụ xây dựng công trình xây dựng dân cư với nhiều nhà ở. Dịch vụ trang trí gắn kết bên trong. Dịch vụ tư vấn quản lý. Dịch vụ định hình và giải phóng mặt bằng. Dịch vụ mắc và lắp ráp điện. Dịch vụ lắp đặt ống dẫn nước. Quyền phân phối bán buôn, quyền phân phối bán lẻ vật liệu xây dựng; vật tư, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất; thực phẩm công nghệ, nước giải khát; vải sợi; đồ điện; xe ô tô; xe gắn máy; rượu, bia.		
7	Góp vốn	CÔNG TY CP XNK KHÁNH HỘI (Địa chỉ: 360A, Bến Vân Đồn, P. 1, Q. 4, TP. HCM)	Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất; Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở); Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở); Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật . Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi	4,900,000,000	3.47%

Handwritten signature

S T T	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			<p>cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng – điện tử hàng hải; Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy; Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị - linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn; Trồng rừng; Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng; San lấp mặt bằng; Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; Mua bán vàng; Kinh doanh nhà ở; Môi giới bất động sản; Dịch vụ nhà đất; Cho thuê bến bãi; Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở); Sản xuất gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở); In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; ua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas; Cho thuê kho; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Giáo dục mầm non; Kinh doanh bất động sản.</p>		

mucl

5. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim) cho giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2025 là: **“Phát triển thành một Công ty thương mại hàng đầu trong lĩnh vực Dầu khí”**. Các nhiệm vụ cụ thể của Petechim:

- Nhà cung cấp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp thiết bị phục vụ cho các dự án phục vụ cho khâu hạ nguồn và các dự án trong lĩnh vực Dầu khí. (Trong thời gian qua Petechim đã cùng với các nhà sản xuất lớn như M+F (Đức), Tankworks (Hàn Quốc), Miari (Nhật), Unitech (Hàn Quốc), DPV (Mỹ), AmiTech (UK), Metalic (Singapore), Honeywell (Mỹ)... thực hiện tốt việc cung cấp vật tư thiết bị trong khâu hạ nguồn cho các dự án của Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) như Tổng kho Xăng dầu Vũng Áng, Cù lao Tào, Nhà Bè, ... cũng như cho các dự án khâu thượng nguồn của VSP, các JOC. Chúng tôi cũng đang tiếp tục nỗ lực nhằm nâng cao hơn nữa khả năng cung cấp, chất lượng và tiến độ thực hiện)
- Nhà cung cấp hàng đầu về hóa phẩm và các thiết bị, hệ thống phòng thí nghiệm. (Trong thời gian qua, Petechim đã trở thành một đơn vị mạnh trong việc cung cấp hóa phẩm, thiết bị phòng thí nghiệm cho PV Oil, VSP, Viện Dầu khí, ...)
- Nhà tổng thầu có uy tín trong lĩnh vực hạ nguồn dầu khí trong nước vào năm 2015 và khu vực vào năm 2025. (Xác định EPC là sản phẩm tạo ra sự đột phá cho sự phát triển của Công ty, trong thời gian vừa qua, Petechim đã đẩy mạnh xây dựng lực lượng cán bộ, đặt ra từng bước đi cụ thể của mình. Tuy nhiên, để thực hiện thành công định hướng trên, Petechim cần được tạo điều kiện để phát triển hoàn chỉnh mô hình hoạt động và các lĩnh vực liên quan, trong đó sự hỗ trợ từ phía Tổng Công ty là hết sức quan trọng. Tuy nhiên, việc chưa tận dụng đội ngũ chuyên gia, máy móc thiết bị, hệ thống phòng thí nghiệm của PV Oil trong các mặt hoạt động của Petechim đã phần nào làm giảm hiệu quả hoạt động của Petechim cũng như chưa phát huy hết được các nguồn lực của PV Oil)
- Có sản phẩm, dịch vụ là sở hữu trí tuệ và mang thương hiệu riêng Petechim. (Trong thời gian qua, Petechim bằng sự nỗ lực của mình đã có 3 sản phẩm trí tuệ, mang thương hiệu Petechim như giải pháp phục vụ đào tạo cho Trường Đại học Dầu khí; Giải pháp số hóa, thư viện điện tử; Giải pháp trong hệ thống tự động hóa cho khâu bán lẻ xăng dầu đã được đăng ký bản quyền. Trong thời gian tới, Petechim tiếp tục phát huy và tăng cường phát triển mảng này, đẩy mạnh việc tham gia vào quá trình sản xuất/ tự thực hiện sản xuất những vật tư, thiết bị phục vụ trực tiếp cho các đơn vị trong ngành Dầu khí và đặc biệt là PV Oil)
- Nhà phân phối chính của các sản phẩm phụ của PVN: Hạt nhựa, xơ sợi, cà phê, cao su, sắn lát ... (Với chiến lược đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ của mình cũng như tạo sự ổn định trong công tác kinh doanh của mình, Petechim xác định đây sẽ là hướng đi tốt của Công ty trong thời gian tới, khi đó Petechim sẽ là đơn vị phân phối chính các sản phẩm phụ từ quá trình lọc hóa dầu)
- Là đơn vị đi đầu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: cung cấp các sản phẩm, vật liệu, chất phụ gia thân thiện với môi trường. (Petechim đã và đang tìm kiếm, cung cấp cho PV Oil, VSP, các JOC, ... các phụ gia, hóa phẩm, vật tư thân thiện với môi trường, nghiên cứu triển khai các dự án (Đèn Led tiết kiệm năng lượng, thu gom dầu hơi trong quá trình xuất nhập sản phẩm nhẹ ...) và sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc tìm kiếm và cung cấp các sản phẩm trên. Với việc làm này,

Handwritten signature

Petechim đang gián tiếp thực hiện việc bảo vệ môi trường, giảm độc hại trong các hoạt động của ngành Dầu khí)

- Là đơn vị đi cùng với Tổng Công ty, Tập đoàn trong việc phát triển các dự án Dầu khí ở nước ngoài. (Petechim đã và đang đi cùng với Tổng Công ty, Tập đoàn trong việc phát triển các dự án ở nước ngoài như tại Angeri, Nga, các nước SNG. Đây sẽ là hướng đi mới của Công ty để vươn xa và khẳng định mình trên thị trường quốc tế)

6. Các rủi ro:

- Nền kinh tế thế giới và trong nước tuy đang trên đà phục hồi nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ biến động mạnh.
- Xuất hiện nguy cơ biến động tỷ giá của tiền đồng Việt Nam so với các đồng ngoại tệ khác.
- Mục tiêu của Tập đoàn trong việc tăng trưởng hoạt động dịch vụ kỹ thuật dầu khí sẽ tạo áp lực đáng kể cho các doanh nghiệp trong ngành.
- Một vài hoạt động kinh doanh triển khai theo hình thức dự án gặp vướng mắc, tồn đọng nhất định trong giai đoạn vừa qua gây ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, tạo tâm lý e ngại cho khách hàng khi giao các dự án lớn cho Petechim thực hiện.
- Hoạt động đầu tư của Công ty chưa hiệu quả, chưa tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2012:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2012 là năm chủ chốt triển khai thực hiện Chiến lược phát triển 05 năm 2011-2015 của Công ty Petechim. Những đặc điểm tình hình chính của năm như sau:

- Trong năm 2012, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong ngành như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, công ty mẹ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam, các đối tác truyền thống trong ngành như Vietsovpetro, PVEP POC, BSR... cũng như các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi quan trọng để Công ty giữ vững được thị trường truyền thống trong mảng dịch vụ thương mại của mình.
- Năm 2012 cũng là giai đoạn Công ty Petechim tập trung phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, cụ thể là triển khai nhiều giải pháp ứng dụng vào thực tiễn nhằm phục vụ cho sự phát triển của Tổng công ty Dầu Việt Nam nói riêng và Tập đoàn Dầu khí nói chung, đặc biệt là các lĩnh vực: công nghệ thông tin, tự động hóa và công nghệ pha trộn các sản phẩm dầu khí.
- Tuy nhiên, năm 2012 cũng là năm mà Petechim phải đương đầu với những khó khăn do thị trường dịch vụ thương mại trong ngành ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt do sự xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh mới; cộng với tác động khách quan của tình hình khủng hoảng quốc tế và chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô trong nước.

Handwritten signature

- Hoạt động đổi mới doanh nghiệp của Petechim trong năm 2012 tiếp tục được chú trọng, nhằm tạo nội lực mới cho doanh nghiệp trong bối cảnh tình hình kinh tế xuất hiện nhiều khó khăn, thử thách, cụ thể là: Thường xuyên tổ chức đánh giá tổng quát Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và triển khai công tác cải tiến hệ thống; từng bước triển khai công tác quản lý dự án theo mô hình PMI/PMBOK; tổ chức thực hiện việc đào tạo và tự đào tạo; tuyển dụng, điều động và luân chuyển nhân lực hợp lý.

Kết quả thực hiện SXKD năm 2012 như sau:

- Riêng Công ty Petechim:

Kết quả thực hiện SXKD năm 2012 của Công ty Petechim như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Tỷ lệ so sánh (%)
1	Doanh thu	1.100.000,00	1.117.500,67	101,59 %
2	Giá vốn	1.017.141,00	1.030.415,79	101,31 %
3	Chi phí	52.859,00	54.523,61	103,15 %
4	Lợi nhuận trước thuế	30.000,00	32.561,27	108,54 %
5	Lợi nhuận sau thuế	22.500,00	24.296,28	107,98 %

Đánh giá kết quả thực hiện:

Doanh thu: Năm 2012 Công ty Petechim đạt 1.117,50 tỷ đồng tương ứng 101,59% kế hoạch năm 2012. Trong đó doanh thu từ hoạt động kinh doanh xăng dầu đạt 742,14 tỷ đồng, chiếm 66,41% trên tổng doanh thu đạt được trong năm và doanh thu từ hoạt động thương mại, dịch vụ và tài chính đạt 375,35 tỷ đồng, chiếm 33,59% trên tổng doanh thu đạt được trong năm.

Lợi nhuận: Năm 2012 Công ty Petechim đạt 32,56 tỷ đồng tương ứng 108,54% kế hoạch năm 2012. Lợi nhuận gộp đạt 87,08 tỷ đồng.

Trong năm 2012, hoạt động kinh doanh của Công ty Petechim phải đương đầu với những khó khăn do thị trường dịch vụ thương mại trong ngành ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt do sự xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh mới; nền kinh tế đang trong giai đoạn điều chỉnh nên một số dự án lớn dẫn tiến độ; sự cố giàn Đại Hùng 01 bị sự cố phải sửa chữa từ đầu năm đến tháng 08/2012 đã ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch doanh thu của Công ty; chi phí tài chính một số dự án/hợp đồng khá cao do tiến độ dự án kéo dài hơn theo kế hoạch ban đầu; kế hoạch mở rộng thị trường hoạt động thương mại dịch vụ không thuận lợi;....

- Hợp nhất Công ty con:

Từ đầu tháng 08/2012, Công ty Petechim đã mua lại cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Năng lượng xanh (GEC), kết quả thực hiện SXKD hợp nhất năm 2012 như sau:

Handwritten signature

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện hợp nhất năm 2012	Tỷ lệ so sánh (%)
1	Doanh thu	1.100.000,00	1.161.291,37	105,57 %
2	Giá vốn	1.017.141,00	1.065.488,62	104,75 %
3	Chi phí	52.859,00	56.058,08	106,05 %
4	Lợi nhuận trước thuế	30.000,00	36.220,91	120,74 %
5	Lợi nhuận sau thuế	22.500,00	27.681,99	123,03 %

2. Tổ chức và nhân sự:

– Danh sách Ban điều hành:

- Ông **Trần Văn Mạnh** - Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 05 – 03 – 1965

Số CMND: 025141600 cấp ngày 10 – 08 – 2009 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành chế tạo máy

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

- Ông **Đặng Hùng Tuấn** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 06 – 07 – 1963

Số CMND: 023323080 cấp ngày 26 – 08 – 2009 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ (PTS) ngành khoan

Cử nhân kinh tế Quản trị kinh doanh/Ngoại thương (tại chức)

- Ông **Trần Mạnh Hùng** – Phó Tổng giám đốc.

Sinh ngày: 13 – 09 – 1963

Số CMND: 023185805 cấp ngày 24 – 05 – 2002 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Vận tải biển

- Ông **Nguyễn Tấn Lực** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 03 – 07 – 1965

Số CMND: 021139137 cấp ngày 11 – 04 – 2006 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Hóa dầu

Cử nhân kinh tế ngoại thương

- Ông **Lê Thành Đức** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24 – 11 – 1969

Số CMND: 023425287 cấp ngày 28 – 06 – 1997 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

- Ông **Nguyễn Văn Kính** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 08 – 07 – 1976

Handwritten signature

Số CMND: 025369197 cấp ngày 10 – 11 – 2010 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Dự án

Kỹ sư Điện – Điện tử

• Bà **Nguyễn Ngọc Anh** – Kế toán trưởng

Sinh ngày: 27 – 02 – 1982

Số CMND: 273099232 cấp ngày 25 – 09 – 2010 tại Vũng Tàu.

Trình độ: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có
- Số lượng cán bộ, nhân viên:
 - Tổng số lao động đầu năm 2012: 112 người;
 - Đã giải quyết thôi việc : 22 người;
 - Đã tuyển dụng mới : 50 người;
 - Tổng số lao động hiện có : 140 người.
- Chính sách đối với người lao động:
 - Tóm tắt chính sách:
 - + Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng lao động đúng chuyên môn, nghiệp vụ và phù hợp với nhu cầu công việc; Người lao động có việc làm thường xuyên, ổn định và được giao kết hợp đồng lao động đầy đủ, đúng quy định của Luật Lao động; CBNV khi nghỉ việc tại Công ty nêu đủ điều kiện quy định của Nhà nước đều được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc (cứ mỗi năm làm việc tại Công ty là ½ tháng lương).
 - + Công ty thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho CBNV theo hình thức đào tạo nội bộ hoặc đào tạo ngắn hạn bên ngoài bằng nguồn kinh phí đào tạo của Công ty trên cơ sở bình đẳng, công khai, đào tạo đúng đối tượng;
 - + Công ty thực hiện chính sách trả lương, thưởng cho người lao động dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động, phụ thuộc vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động thể hiện ở vị trí công việc đảm nhận, mức độ chịu trách nhiệm trong đơn vị nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Tiền lương và thu nhập của người lao động được trả đầy đủ, đúng hạn. Việc nâng bậc lương cho người lao động hàng năm được thực hiện theo đúng quy định.
 - + CBNV ký HĐLĐ 1 năm trở lên được tham gia BHXH, BHTN và BHYT; Được cấp đồng phục Công ty; Được tham gia khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm;
 - + Các chính sách khác: Công ty trích từ Quỹ phúc lợi để thưởng cho người lao động vào các ngày lễ trong năm; CBNV nữ sinh con, nghỉ thai sản; Sinh nhật; Hiếu hỷ; Trợ cấp nằm viện, Đi du lịch...
 - Thay đổi chính sách đối với người lao động năm 2012:
 - + Chuyển một số chi phí cho người lao động vào thu nhập hàng tháng như: Chi phí đi công tác; Chi phí điện thoại... theo Quyết định số 55/QĐ-TMDK ngày 19/3/2012 của Tổng Giám đốc về việc ban hành định mức chi phí của Công ty CP Thương mại Dầu khí. Chính sách này nhằm giúp CBNV sử dụng chi phí tiết kiệm, hợp lý và làm tăng thu nhập, đồng thời giúp Công ty quản lý chi phí hiệu

rule

quả. Qua 01 năm thực hiện cho thấy chính sách này đã phát huy tác dụng và đáp ứng yêu cầu đặt ra trong việc quản lý chi phí.

+ Bổ sung một số chính sách đối với nhân viên tập sự theo Quyết định số 40B/QĐ-TMDK ngày 06/3/2012 của Tổng Giám đốc về việc ban hành quy định áp dụng đối với nhân viên trong thời gian tập sự tại Công ty CP Thương mại Dầu khí. Mục đích của chính sách này là tạo điều kiện cho nhân viên mới tốt nghiệp có thời gian làm quen, bổ sung kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để thực hiện một cách độc lập vị trí công việc được phân công. Qua thời gian thực hiện, nhân viên tập sự đã từng bước hòa nhập và không ngừng nỗ lực để học hỏi và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

+ Thực hiện việc mua bảo hiểm con người cho người lao động theo Phụ lục Hợp đồng bảo hiểm con người năm 2012 số 44/PETE.TCKT-PVI/07-2010/12/PL01 ký ngày 15/4/2012 giữa Công ty Petechim và Công ty Bảo hiểm Dầu khí PVI, nhằm phục vụ tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh của CBNV với trách nhiệm và quyền lợi cao, đặc biệt bảo vệ CBNV trong các trường hợp rủi ro như: Tử vong, tàn tật, tai nạn, nằm viện, phẫu thuật... Tuy nhiên qua thời gian thực hiện cho thấy hiệu quả của chính sách này chưa đạt yêu cầu.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu	
1	Đầu tư vào công ty con	CÔNG TY CP TM NẮNG LƯỢNG XANH Ngày góp vốn: 23/09/2012 Người đại diện: Trần Văn Mạnh (Tổng GD) Nguyễn Quang Trung (Trưởng ban KS)	Vốn điều lệ	20,000,000,000
			Vốn Petechim góp	9,526,687,800
			Tỉ lệ sở hữu	51%
			Doanh thu 2011	46,033,688,546
			Doanh thu 10T/2012	88,675,480,891
			Lợi nhuận 2011	2,153,968,219
			Lợi nhuận 10T/2012	472,481,509
			Tỉ lệ chia cổ tức 2011	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết	CÔNG TY CP HẬU CẦN DẦU KHÍ PETECHIM Ngày góp vốn: 24/11/2009 Người đại diện: Phạm Việt Thắng Chức danh: Phó phòng KHĐT	Vốn điều lệ	
			Vốn Petechim góp	2,500,000,000
			Tỉ lệ sở hữu	25%
			Doanh thu 2011	
			Doanh thu 9T/2012	
			Lợi nhuận 2011	
			Lợi nhuận 9T/2012	
Tỉ lệ chia cổ tức 2011	-			

Handwritten mark

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu	
3		Công ty CP Xăng Dầu DK Sài Gòn Ngày góp vốn: 14/02/2011 Người đại diện: <i>Trần Văn Mạnh</i> Chức danh: <i>Tổng giám đốc</i>	Vốn điều lệ	200,000,000,000
			Vốn Petechim góp	11,000,000,000
			Tỉ lệ sở hữu	5.50%
			Doanh thu 2011	10,797,556,166,475
			Doanh thu 9T/2012	4,835,069,429,130
			Lợi nhuận 2011	21,353,421,253
			Lợi nhuận 9T/2012	11,594,561,736
			Tỉ lệ chia cổ tức 2011	7%
4	Đầu tư góp vốn	Công ty CP SX&Chế biến DK Phú Mỹ Ngày góp vốn: 22/03/2011 Người đại diện: <i>Trần Mạnh Hùng</i> Chức danh: <i>Phó tổng giám đốc</i>	Vốn điều lệ	500,000,000,000
			Vốn Petechim góp	10,000,000,000
			Tỉ lệ sở hữu	2%
			Doanh thu 2011	1,000,738,364,436
			Doanh thu 9T/2012	67,863,721,165
			Lợi nhuận 2011	67,476,587,560
			Lợi nhuận 9T/2012	6,734,884,108
			Tỉ lệ chia cổ tức 2011	9%
5		Công ty CP Xăng dầu DK Miền Trung Ngày góp vốn: 09/11/2011 Người đại diện: <i>Trần Mạnh Hùng</i> Chức danh: <i>Phó tổng giám đốc</i>	Vốn điều lệ	140,000,000,000
			Vốn Petechim góp	3,000,000,000
			Tỉ lệ sở hữu	2.14%
			Doanh thu 2011	1,848,225,840,399
			Doanh thu 9T/2012	2,558,660,725,830
			Lợi nhuận 2011	640,103,319
			Lợi nhuận 9T/2012	11,542,441,660
			Tỉ lệ chia cổ tức 2011	-
6		Công ty CP XD Trang trí nội thất ADC Ngày góp vốn: 30/07/2010 Người đại diện: <i>Trần Văn Mạnh</i> Chức danh: <i>Tổng giám đốc</i>	Vốn điều lệ	201,600,000,000
			Vốn Petechim góp	17,000,000,000
			Tỉ lệ sở hữu	8.43%
			Doanh thu 2011	-
			Doanh thu 9T/2012	-
			Lợi nhuận 2011	325,791,137
			Lợi nhuận 9T/2012	-1,767,304,515
			Tỉ lệ chia cổ tức	-

Handwritten signature

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu	
			2011	
7		Công ty CP XNK Khánh Hội <i>Mua đầu tư cổ phiếu: 03/11/12</i> <i>Người đại diện: Trần Văn Mạnh</i> <i>Chức danh: Tổng giám đốc</i>	Vốn điều lệ	141,203,090,000
			Vốn Petechim góp	4,900,000,000
			Tỉ lệ sở hữu	3.47%
			Doanh thu 2011	123,652,551,264
			Doanh thu 9T/2012	47,474,703,812
			Lợi nhuận 2011	25,283,030,989
			Lợi nhuận 9T/2012	22,207,545,977
			Tỉ lệ chia cổ tức 2011	15%
8	<i>Đầu tư tài sản cố định</i>		Nguyên giá	Giá trị còn lại
		Nhà cửa, vật kiến trúc	46,921,685,871	46,790,805,810
		Máy móc thiết bị	1,787,948,543	1,566,709,084
		Phương tiện vận tải	6,115,934,164	4,133,223,030
		Thiết bị, dụng cụ quản lý	2,970,123,867	1,630,672,396
		TSCĐ hữu hình khác	103,614,748	10,725,000
		TSCĐ vô hình	204,992,914	0
		Tổng cộng	58,104,300,107	54,132,135,320
TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ			112,058,823,120	

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	275.080.903.252	510.381.241.326	Tăng 86 %
Doanh thu thuần	741.146.349.196	1.098.111.093.455	Tăng 48 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.093.194.428	31.956.455.827	Tăng 14 %
Lợi nhuận khác	464.375.457	211.101.834	Giảm 55 %
Lợi nhuận trước thuế	28.557.569.885	32.167.557.661	Tăng 13 %
Lợi nhuận sau thuế	21.309.682.573	24.000.999.736	Tăng 13 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	14,1 %	12%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	1,238	1,974	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,062	1,775	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số trả nợ/ Tổng tài sản	0,675	0,503	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	2,072	1,047	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	16,21	28,60	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2,61	2,52	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	2,81%	2,43%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	25,12%	13,49%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	7,33%	6,12%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	3,79%	3,21%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng Việt Nam
- Tổng số cổ phần: 20.000.000 Cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Tổng số cổ đông tính đến ngày 31/12/2012: 2.912 cổ đông.

b) Cơ cấu cổ đông:

Đến hết ngày 16/04/2012, Công ty Petechim đã tăng vốn Điều lệ thành công từ 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ) đồng Việt Nam lên 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng Việt Nam, hoàn thành nhiệm vụ của ĐHCĐ giao cho trong Nghị quyết số 49/NQ-TMDK-ĐHCĐ ngày 16/03/2012.

ruel

Ngày 17/04/2012, HĐQT ban hành Nghị quyết số 78/NQ-TMDK về việc thông qua kết quả phát hành cổ phần ra công chúng.

Ngày 17/04/2012, HĐQT gửi Báo cáo số 888/TMDK-HĐQT về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty CP Thương mại Dầu khí lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 28/06/2012, Công ty Petechim đã hoàn thành thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần thứ 10 với vốn điều lệ 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng.

Kết quả phát hành tăng vốn và cơ cấu cổ đông của Công ty Petechim đến ngày 31/12/2012 như sau:

TT	Tên cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ trước khi tăng vốn		Số lượng đăng ký mua		Tỷ lệ nắm giữ sau khi tăng vốn	
		Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần
A	Cổ đông hiện hữu	100%	5,000,000	29,67%	4,437,390	47,18%	9,436,000
1	Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	29,00%	1,450,000	29,00%	4,350,000	29,00%	5,800,000
2	Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nhật Việt	19,90%	994,760	0,00%	-	0,14%	28,500
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	5,00%	250,000	0,00%	-	1,25%	250,000
4	Cổ đông nhỏ lẻ	46,10%	2,305,240	0,58%	87,390	16,79%	3,358,890
B	Cổ đông chiến lược	0%	-	70,04%	10,505,610	52,53%	10,505,610
5	CTCP Đầu tư và Xây dựng Trảng An	0%	-	30,80%	4,620,000	23,10%	4,620,000
6	CTCP Chứng khoán Phú Gia	0%	-	19,87%	2,980,000	14,90%	2,980,000
7	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBank)	0%	-	14,67%	2,200,000	11,00%	2,200,000
8	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Thiên Hà	0%	-	5,17%	705,610	3,53%	705,610
C	Cán bộ nhân viên	0%	-	0,29%	57,000	0,29%	57,000
	TỔNG CỘNG	100,00%	5,000,000	100,00%	15,000,000	100,00%	20,000,000

Danh sách cổ đông nắm trên 5%:

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/VĐL
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	VNĐ	58.000.000.000	29,00%

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/VĐL
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trảng An	VNĐ	46.200.000.000	23,10%
3	Công ty CP Chứng khoán Phú Gia	VNĐ	29.800.000.000	14,90%
4	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM (HĐBank)	VNĐ	22.000.000.000	11,00%
Tổng cộng			156.000.000.000	78,00%

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/VĐL
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	VNĐ	14.500.000.000	29,00%
2	Nguyễn Lê Minh	VNĐ	7.630.000.000	15,26%
3	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại Nhật Việt	VNĐ	3.370.000.000	6,74%
4	Ngân hàng thương mại CP Quốc tế Việt Nam (VIB)	VNĐ	2.500.000.000	5,00%
Tổng cộng			28.000.000.000	56,00%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhìn lại chặng đường hoạt động trong năm 2012, Công ty Petechim tự đánh giá các kết quả đạt được như sau:

- Hoàn thành tất cả các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trong năm 2012;
- Giữ vững đà tăng trưởng 05 năm liên tiếp sau khi chuyển đổi mô hình công ty Nhà nước (trong Tổng công ty Petechim cũ) sang mô hình công ty cổ phần, làm tiền đề cho kế hoạch tăng tốc phát triển giai đoạn 2011-2015 của Công ty;
- Duy trì vị thế là một trong những đơn vị dịch vụ thương mại có tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn Điều lệ cao trong ngành (năm 2008: 22%, năm 2009: 43%, năm 2010: 42%, năm 2011: 42,62% ...);
- Đảm bảo tốt các quyền lợi của cổ đông;
- Giữ gìn và phát huy được uy tín của thương hiệu Petechim trên thị trường;
- Giữ vững được thị trường truyền thống, đồng thời mở ra những lĩnh vực kinh doanh mới do Công ty làm chủ công nghệ;
- Tiếp tục đổi mới có hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, phát huy được những thế mạnh của mô hình công ty cổ phần.

Với những kết quả đã đạt được, Công ty Petechim đã bước đầu tạo dựng được những nền tảng cơ bản để có thể trở thành nhà tổng thầu EPC của ngành từ năm 2015 như chiến lược đã đề ra.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

➤ Trong năm 2012, công ty tiến hành tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ lên 200 tỷ. Bên cạnh đó, tận dụng lợi thế của đòn bẩy tài chính, công ty đã vay từ ngân hàng thêm gần 80 tỷ, chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn với lãi suất 4 – 5%/năm. Theo đó qui mô tổng tài sản của công ty đã gia tăng gấp đôi, tập trung ở các khoản mục sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: Quy mô vốn tăng đột biến trong khi quy mô hoạt động kinh doanh chưa gia tăng tương ứng nên vốn nhàn rỗi của công ty khá nhiều. Công ty đã duy trì lượng tiền mặt đủ để đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn trong năm. Ngoài ra, công ty cũng có khoản tiền gửi ngân hàng kỳ hạn thấp hơn 3 tháng, hưởng lãi suất 8 – 9% năm.
- Đầu tư vào tài sản cố định với tổng số tiền hơn 55 tỷ: đây là chủ trương của công ty từ khi thành lập nhằm tạo tài sản bền vững cho công ty. Việc nâng cấp cơ sở vật chất là một nhu cầu tất yếu.
- Tài trợ cho các khoản phải thu trong quan hệ thương mại với các đối tác như Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), Công ty Liên doanh Việt Nga (VietsoPetro)... Việc nói lỏng chính sách tín dụng thương mại sẽ giúp khách hàng thuận lợi hơn trong việc thanh toán với Petechim, từ đó củng cố mối quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác. Tại thời điểm 31/12/2012, giá trị các khoản phải thu của công ty là 172 tỷ, tăng 67 tỷ so với thời điểm cuối năm 2011 (105 tỷ).

➤ Mặc dù quy mô tài sản tăng gấp đôi so với năm 2011 nhưng công ty vẫn làm tốt công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính hiện có. Cụ thể các chỉ số thể hiện hiệu quả sử dụng tài sản đều có xu hướng tốt hơn:

	ĐVT	2012	2011	So sánh
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng/năm	7,15	4,05	Tăng 3,1 vòng/năm
Số ngày thu tiền bình quân	Ngày	44	51	Giảm 7 ngày

b) Tình hình nợ phải trả

➤ Việc tăng vốn điều lệ đã góp phần làm cho cơ cấu tài chính của công ty ổn định hơn. Công ty đã tiến hành thanh toán các khoản nợ đối với nhà cung cấp (trả ròng 38 tỷ trong năm 2012). Việc giảm bớt các khoản phải trả cho nhà cung cấp đã góp phần nâng cao uy tín của công ty trong mối quan hệ thương mại với các đối tác và cũng thể hiện năng lực tài chính của công ty hiện tại là rất vững chắc.

	ĐVT	2012	2011	So sánh
Số ngày trả tiền bình quân	Ngày	41	85	Giảm 44 ngày

➤ Tình hình biến động của tỷ giá hối đoái trong năm 2012 đã có tác động không tốt đối với hoạt động kinh doanh của công ty. Cụ thể là ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá thanh toán làm công ty lỗ 638 triệu và được ghi nhận vào hoạt động tài chính. Trong khi năm 2011, việc chênh lệch tỷ giá thanh toán mang về cho công ty một khoản lợi nhuận tài chính là 1,2 tỷ. Thực chất, có sự thay đổi như vậy là do những nguyên nhân khách quan từ tình hình biến động tỷ giá. Trong năm 2013, công ty sẽ tiến hành theo dõi chặt chẽ những diễn biến tỷ giá hối đoái để có biện pháp bảo hiểm cho rủi ro liên quan đến chênh lệch tỷ giá.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thay đổi chính sách đối với người lao động năm 2012:
 - + Chuyển một số chi phí cho người lao động vào thu nhập hàng tháng như: Chi phí đi công tác; Chi phí điện thoại...;
 - + Bổ sung một số chính sách đối với nhân viên tập sự;
 - + Thực hiện việc mua bảo hiểm con người cho người lao động.
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý dự kiến trong năm 2013:
 - + Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 nhằm đạt được các mục tiêu và chính sách chất lượng đã đề ra: Đáp ứng toàn diện, chất lượng ổn định, dịch vụ chuyên nghiệp, thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
 - + Tổ chức ứng dụng các phần mềm quản lý trong các hoạt động văn phòng, quản lý nhân sự, trả lương nhằm giúp Công ty giảm thiểu chi phí quản lý, nâng cao tính chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao.
 - + Thực hiện cơ chế đánh giá trả lương theo kết quả công việc hàng tháng nhằm giúp CBNV nâng cao ý thức tự giác, phát huy sáng kiến cải tiến trong thực hiện nhiệm vụ được phân công, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các nét chính trong hoạt động SXKD của Công ty Petechim giai đoạn 2011-2015 được dự báo như sau:

a. Hoạt động nhập khẩu ủy thác

Petechim sẽ tiếp tục gia hạn các hợp đồng nhập khẩu ủy thác cho XNLD Vietsovpetro. Tuy nhiên khả năng mở rộng thị trường cho lĩnh vực hoạt động này không cao do nhu cầu ủy thác nhập khẩu của XNLD Vietsovpetro cũng như các đơn vị trong ngành không còn nhiều.

Dự báo tốc độ tăng trưởng hoạt động nhập khẩu ủy thác của Petechim giai đoạn 2011-2015: 0%/năm.

b. Hoạt động thương mại phục vụ khâu thượng nguồn dầu khí (upstream)

Petechim sẽ tiếp tục giữ vững thị trường Vietsovpetro, Đại Hùng, PVEP và phát triển hoạt động thương mại sang các dự án mở rộng khai thác dầu khí trọng điểm mới của ngành như:

STT	Dự án	Tiến độ dự kiến
1	Các mỏ Chim Sáo, Lan Đỏ, Hải Sư Đen, Hải Sư Trắng, Tê Giác Trắng	Năm 2011

2	Các mỏ Hoa Mai, Sư Tử Trắng, Hải Thạch – Mộc Tinh	Năm 2012
3	Các mỏ Sư Tử Nâu, Thăng Long, Kim Long, Cá Voi, Ác Quỷ	Năm 2013
4	Các mỏ Đông Đô, Thiên Ứng	Năm 2014
5	Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	Đưa vào hoạt động năm 2014

Dự báo tốc độ tăng trưởng hoạt động thương mại upstream của Petechim giai đoạn 2011-2015: 28%/năm.

c. Hoạt động thương mại phục vụ khâu hạ nguồn dầu khí (downstream)

Petechim sẽ tiếp tục phát triển hoạt động cung cấp thiết bị, vật tư, phụ tùng bảo trì bảo dưỡng, hóa phẩm cho thị trường Nhà máy lọc dầu Bình Sơn và các nhà máy điện trong ngành, đồng thời mở rộng sang các dự án trọng điểm mới của ngành như:

STT	Dự án	Tiến độ dự kiến
1	Nhà máy lọc dầu Dung Quất mở rộng	2011-2015
2	Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn	2011-2014
3	Nhà máy lọc dầu Long Sơn	Đưa vào hoạt động trong khoảng 2015-2020
4	Kho chứa ngầm Dung Quất	2010-2015
5	Kho chứa ngầm Nghi Sơn	2010-2015
6	Kho chứa ngầm Long Sơn	2009-2015
7	Kho chứa ngầm Vũng Rô	2010-2015
8	Tổ hợp lọc hóa dầu Miền Nam	2009-2014

Ngoài ra, Petechim sẽ phấn đấu đảm nhiệm vai trò tổng đại lý phân phối và xuất nhập khẩu các sản phẩm dầu khí như: xơ sợi, hạt nhựa, phân đạm, ethanol...

Riêng đối với thị trường PV Oil, trong giai đoạn 2011-2015 Petechim sẽ phấn đấu đảm nhiệm tốt khâu thương mại cho các dự án trọng điểm của PV Oil như:

STT	Dự án	Tiến độ dự kiến
1	Mở rộng kho xăng Cù Lao Tào	2010-2012
2	Mở rộng kho cảng xăng dầu Chân Mây	2010-2012
3	Nâng cấp kho xăng dầu Liên Chiểu- Đà Nẵng	2010-2012
4	Mở rộng kho xăng dầu Nhà Bè - GD3	2010-2012
5	Mở rộng kho Cái Lân	2011-2012

STT	Dự án	Tiến độ dự kiến
6	Tổng kho xăng Đình Vũ 2	2011-2012
7	Mở rộng kho Nhà Bè - GD4	2011-2012
8	Kho xăng dầu Lai Vu	2011-2012
9	Tuyến ống vận chuyển xăng dầu Nghi Sơn – Hà Nam – Hà Nội	2011-2012
10	Tuyến ống vận chuyển xăng dầu Vũng Áng – Biên giới Việt Lào	2011-2012
11	Mở rộng Kho xăng dầu Cái Lân – GD2	2011-2012
12	Nâng cấp mở rộng nhà máy chế biến Condensate	2011-2012
13	Cụm cảng trung tâm Khu Công nghiệp Long Sơn	2011-2014

Dự báo tốc độ tăng trưởng hoạt động thương mại downstream của Petechim giai đoạn 2011-2015: 40%/năm.

d. Hoạt động dịch vụ dầu khí off-shore

Petechim tiếp tục phát triển các dịch vụ dầu khí off-shore như:

- Dịch vụ hậu cần cho các nhà thầu dầu khí, các hãng tàu biển;
- Dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà thầu và các hãng tàu;
- Dịch vụ đại lý hàng hải cho PV Oil.

Dự báo tốc độ tăng trưởng hoạt động dịch vụ off-shore của Petechim giai đoạn 2011-2015: 28%/năm.

e. Hoạt động dịch vụ dầu khí on-shore

Nếu được sự hỗ trợ của PV Oil, Petechim sẽ đẩy mạnh hoạt động dịch vụ kỹ thuật phục vụ các công trình trên bờ của ngành dầu khí và đặc biệt của PV Oil trong giai đoạn 2011-2015, cụ thể gồm các hoạt động sau:

- Đồng bộ hóa hệ thống kho cảng xăng dầu;
- Phát triển dây chuyền công nghệ phục vụ quản lý tự động hệ thống bán lẻ xăng dầu (từ cửa hàng, phương tiện vận chuyển đến các trung tâm);
- Phát triển hệ thống pha chế nhiên liệu sinh học;
- Phát triển hệ thống nhận dạng thương hiệu cho các CHXD trong hệ thống PV Oil;
- Phát triển các cửa hàng tiện ích và dịch vụ thanh toán điện tử;
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng của PV Oil.

Dự báo tốc độ tăng trưởng hoạt động dịch vụ on-shore của Petechim giai đoạn 2011-2015: 90%/năm.

f. Hoạt động đầu tư công nghệ

Petechim sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu KHCN và đưa các giải pháp công nghệ vào ứng dụng phục vụ nhu cầu của Tổng công ty và các đơn vị trong ngành, phục vụ nhu cầu tăng tốc phát triển – đặc biệt là trong các hoạt động dịch vụ dầu khí on-shore cho PV Oil.

g. Hoạt động đầu tư góp vốn và phát triển doanh nghiệp

Petechim sẽ tiếp tục triển khai hoạt động góp vốn vào các dự án / doanh nghiệp có vai trò chiến lược đối với hoạt động của Công ty, gồm:

- Mua lại cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Năng lượng xanh (GEC) để phát triển chuỗi sản xuất phụ gia nâng cao chỉ số octan cho sản phẩm xăng dầu.
- Mua lại cổ phần chi phối Công ty Cổ phần CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) hoặc thành lập mới 01 công ty thành viên chuyên trách phát triển các hoạt động công nghệ cao ứng dụng vào ngành dầu khí Việt Nam.
- Thành lập 01 công ty thành viên chuyên trách về các dịch vụ kỹ thuật, bảo trì bảo dưỡng các công trình dầu khí.
- Thành lập 01-02 công ty thành viên tại nước ngoài để phục vụ chiến lược mở rộng phát triển đầu tư thương mại quốc tế, xuất khẩu các sản phẩm dầu khí và đồng thời cân bằng cán cân xuất nhập khẩu, giảm thiểu nguy cơ rủi ro tỷ giá tiền tệ của Petechim trong tương lai.

5. **Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2012, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong ngành như Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, công ty mẹ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam, các đối tác truyền thống trong ngành như Vietsovpetro, PVEP, PVEP POC... cũng như các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước như CGGVeritas, Vietgazprom. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi quan trọng để Công ty giữ vững được thị trường truyền thống trong mảng dịch vụ thương mại của mình.

Năm 2012 cũng là năm mà Petechim phải đương đầu với những khó khăn do thị trường dịch vụ thương mại trong ngành cạnh tranh ngày càng gay gắt do sự xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh mới, cộng với tác động khách quan của tình hình khủng hoảng quốc tế và chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô trong nước. Trước thực tiễn nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty đã xác định:

- Quyết tâm hoàn thành việc tăng vốn Điều lệ mà ĐHĐCĐ thường niên 2012 đã giao cho HĐQT;
- Duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của công ty;
- Mở rộng thị trường, khách hàng nhằm tăng thị phần, tăng doanh số và hiệu quả, liên danh đầu thầu;

- Đẩy nhanh tốc độ thực hiện các dự án đầu tư;
- Đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được nhanh chóng triển khai và thực hiện tốt, mang lại hiệu quả thiết thực cho công ty;
- Thực hiện tốt qui chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Với sự quyết tâm cao, tinh thần đoàn kết giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành cùng toàn thể CBNV trong công ty, sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Dầu Việt Nam, sự ủng hộ mạnh mẽ của các cổ đông lớn, Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn, ổn định để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông giao cho.

Năm 2012 đánh dấu sự trưởng thành mạnh mẽ của Công ty Petechim thông qua việc tăng vốn điều lệ thành công từ 50 tỷ VNĐ lên 200 tỷ VNĐ với sự gia nhập của các cổ đông chiến lược nhóm Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh (HDBank). Điều này đã giúp cho HĐQT và Ban điều hành của Công ty mạnh dạn có những quyết định mang tính chiến lược lâu dài và lớn lao hơn trong các năm kinh doanh tiếp theo như đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí, mua các cổ phần đầu tư mở trong và ngoài nước, đẩy mạnh mảng công nghệ thông tin giải pháp phần mềm ...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

HĐQT Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành Công ty, bao gồm Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Trong năm 2012, Ban điều hành của Công ty đã thực hiện việc tổ chức quản lý đúng theo phân cấp nhiệm vụ và tuân thủ các quy định của Công ty. Ban điều hành cũng đã thực hiện đầy đủ các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT theo đúng trình tự và thống nhất trong tổ chức thi hành Nghị quyết/ Quyết định. Kết quả SXKD năm 2012 đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu của ĐHCĐ giao cho là kết quả của sự nỗ lực của Ban điều hành quản lý Công ty.

Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ theo Điều lệ của Công ty và của HĐQT quy định. Các cán bộ quản lý, các Phòng/ Ban thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, hoàn thành nhiệm vụ được giao với năng suất hiệu quả cao. Cụ thể như sau:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ báo cáo tháng, quý, năm trình HĐQT về kết quả, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác tổ chức và các công việc khác của từng phòng ban nói riêng và của toàn công ty nói chung, đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn, và đưa ra các giải pháp, kiến nghị để đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.
- Ban Tổng Giám đốc đã trình HĐQT phê duyệt các gói thầu cung cấp thiết bị, vật tư có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản của Công ty theo Điều lệ Công ty quy định.
- Tổng Giám đốc đã hoàn thành việc đăng ký lại với cơ quan quản lý công quyền về những nội dung thay đổi trong Giấy chứng nhận doanh nghiệp về phần vốn Điều lệ công ty sau khi tăng vốn; địa chỉ trụ sở giao dịch mới của Công ty.

Handwritten signature

- HĐQT chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai việc chi trả cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt và chuyển khoản cho các cổ đông của Công ty từ ngày 02/04/2012 theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2012 của Công ty.
- HĐQT yêu cầu Tổng Giám đốc có các báo cáo thường xuyên về việc đầu tư góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các hoạt động đầu tư khác.
- Ban Tổng Giám đốc đã trình HĐQT phê duyệt việc sử dụng các hạn mức tín dụng giao dịch của Công ty tại các Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM (HDBank), Ngân hàng TMCP Quân đội – CN An Phú để phục vụ cho các hoạt động SXKD của Công ty năm 2012.
- HĐQT chỉ đạo Tổng Giám đốc tiến hành các thủ tục mua lại cổ phần chi phối của Công ty CP Thương mại Năng lượng xanh (GEC) theo đúng các quy định hiện hành. Ngày 05/09/2012, việc mua cổ phần của GEC đã được hoàn tất. Ngày 23/11/2012, Đại hội cổ đông lần I năm 2012 của GEC đã thống nhất bầu ông Trần Văn Mạnh – TGD Petechim, Người đại diện phần vốn của Petechim tại GEC vào chức danh Chủ tịch HĐQT GEC, bà Nguyễn Ngọc Anh – Kế toán trưởng Petechim vào chức danh Trưởng BKS GEC, ông Ngô Tiến Mạnh – Phó phòng TCKT Petechim vào chức danh Kế toán trưởng GEC.
- HĐQT chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện việc yêu cầu các công ty kiểm toán chào giá cạnh tranh làm cơ sở cho HĐQT thống nhất lựa chọn công ty kiểm toán Ernst and Young Việt Nam phục vụ công tác kiểm toán kết quả SXKD năm 2012.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

➤ Mục tiêu chiến lược:

- Tiếp tục cải tiến cơ cấu quản lý, đảm bảo công khai, minh bạch thông tin về các hoạt động của Công ty, làm cơ sở để cổ đông giám sát hoạt động của Công ty.
- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo cho lộ trình phát triển của Công ty.
- Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, khách hàng tiềm năng để tranh thủ tiềm năng và thế mạnh của các dự án đầu tư trọng điểm.
- Tăng cường hoạt động quảng bá, quan hệ công chúng để tìm kiếm các cơ hội đưa các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật cao, thân thiện với môi trường vào triển khai ứng dụng thực tiễn.
- Hoàn thiện cơ chế và quản lý tốt việc thực hiện các quy định, quy trình về quản lý phần vốn góp tại các dự án/ doanh nghiệp nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong hoạt động đầu tư của Công ty.
- Đảm bảo nguồn tài chính phù hợp với lộ trình phát triển của Công ty.
- Có chính sách dự phòng rủi ro tài chính nhằm ứng phó với các nguy cơ rủi ro trong giai đoạn 2011-2015.

Đây là những công tác trọng tâm nhằm tiếp tục giữ vững và nâng cao vị thế cạnh tranh của Petechim trong giai đoạn phát triển và hội nhập.

Handwritten signature

➤ **Kế hoạch hoạt động:**

a. Hoạt động kinh doanh

Bên cạnh việc tiếp tục các dự án/hợp đồng đã và đang thực hiện trong năm 2012, Công ty Petechim sẽ triển khai thực hiện những công việc sau:

- Duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh, gia tăng thị phần trong lĩnh vực cung cấp vật tư thiết bị và dịch vụ phục vụ cho hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí của các Nhà thầu Dầu khí trong và ngoài nước.
- Tăng cường mối quan hệ khách hàng truyền thống (Vietsovpetro, PV Oil, PVEP, PVEP POC, Vietgazprom, CGGVeritas, các nhà điều hành mỏ JOC...) và tìm kiếm, mở rộng thị trường, khách hàng tiềm năng, các nhà sản xuất và phân phối hàng đầu thế giới, nhất là các công ty dầu khí Nga tại Việt Nam như Zarubezhneft, Lukoil, Rosneft, Vietgazprom, ... nhằm tăng thị phần, tăng doanh số và hiệu quả, liên danh đấu thầu.
- Đẩy nhanh tốc độ thực hiện các dự án đầu tư, đặc biệt chú trọng dự án liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa.
- Tăng cường hợp tác với các đối tác CNTT trong và ngoài ngành, trong và ngoài nước trong việc cung cấp các giải pháp, phần mềm, hệ thống và hạ tầng phần cứng cho các doanh nghiệp trong ngành.
- Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức các cuộc họp HĐQT để chỉ đạo kịp thời các mặt hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động kinh doanh để kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót và tồn tại.

b. Hoạt động đầu tư

- Đảm bảo nguồn vốn, tín dụng đáp ứng nhu cầu cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- Quản lý tốt công tác kinh doanh của Công ty, tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn vốn, tối đa hóa lợi nhuận của nguồn vốn;
- Quản lý tốt việc đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp bên ngoài và có phương án thoái vốn an toàn trong trường hợp cần thiết (Công ty CP Thương mại Năng lượng xanh, Công ty CP Xây dựng trang trí kiến trúc ADC, Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí, PV Oil Phú Mỹ, PV Oil Sài Gòn và PV Oil Miền Trung);
- Chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành sớm việc mua cổ phần chi phối của Petec tại Công ty CP Petec Cà phê (Petec Coffee) và cổ phần chi phối của Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa dầu khí (PVTech);
- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu các cơ hội đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp dầu khí trong và ngoài nước, đặc biệt tham gia cổ phần phát triển mỏ của PVN, PVEP;

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ thực hiện công tác quản lý đầu tư nhằm quản lý các danh mục đầu tư hiệu quả và đáp ứng được các mục tiêu của Công ty đề ra khi tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án/ doanh nghiệp.

c. *Công tác cổ phần, cổ phiếu:*

- Đề xuất tỷ lệ chi trả cổ tức niên độ tài chính 2012:
 - Hình thức chi trả cổ tức: tiền mặt và chuyển khoản
 - Đơn vị thực hiện chi trả: Công ty Petechim
 - Danh sách cổ đông nhận cổ tức: chốt tại ngày 30/04/2013
 - Tỷ lệ chi trả cổ tức: 12%
 - Tổng số tiền chi trả cổ tức: 24.000.000.000 đồng
 - Thời gian trả cổ tức: Từ 15/05/2013
- Đề xuất tỷ lệ chi trả cổ tức niên độ tài chính 2013 dự kiến: 13%

V. **Quản trị Công ty:**

1. *Hội đồng quản trị*

a. **Thành viên và cơ cấu của HĐQT:**

Số lượng: 06 thành viên

Nhiệm kỳ: 2011 – 2015

Sơ yếu lý lịch:

1 Ông **Hoàng Dương** – Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 19 – 08 – 1960

Số CMND: 022010865 cấp ngày 15 – 10 – 2004 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Thạc sĩ Khoa học – Chuyên ngành đường ống bể chứa dầu

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 15.11%

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: Không có

2 Ông **Nguyễn Thanh Hùng** - Phó Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 15 – 04 – 1967

Số CMND: 023289366 cấp ngày 18 – 02 – 2008 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Tiến sĩ Khoa học

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5.50%

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: Không có

3 Ông **Trần Văn Mạnh** - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 05 – 03 – 1965

Số CMND: 025141600 cấp ngày 10 – 08 – 2009 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10.06%

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 01
+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương mại Năng Lượng Xanh

4 Ông **Đình Việt Phương** – Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 19 – 02 – 1969

CMND: 011783446, cấp ngày 13 – 08 – 2012, Nơi cấp: CA Hà Nội

Trình độ: Tiến sĩ Kỹ thuật khai thác đường thủy

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SOVICO

Phó Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tràng An

Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Hàng không VietJet

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 24.69%

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: Không có

5 Ông **Nguyễn Văn Kính** – Ủy viên HĐQT

Ngày sinh: 08 – 07 – 1976

CMND: 025369197 ngày cấp: 10/11/2010 nơi cấp: CA Tp. HCM

Trình độ: Kỹ sư Điện – Điện tử

Thạc sĩ Quản lý Dự án

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty Petechim

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 4.03%

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: Không có

6 Ông **Trần Hoài Nam** – Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 14/08/1965.

CMND: 011007798 ngày cấp: 10/08/2006 nơi cấp: CA Hà Nội

Trình độ: Thạc sĩ Quản lý Công nghiệp

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5.50%

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: Không có

b. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2012, HĐQT đã tổ chức 16 cuộc họp HĐQT theo đúng các trình tự của Điều lệ quy định nhằm cụ thể hóa các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2012, ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2012, bám sát tiến trình hoạt động SXKD và tình hình thực tế của Công ty.

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2012:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung	Kết quả thực hiện
1	QĐ số 53/QĐ-TMDK, 19/03/2012	QĐ về việc gia hạn thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu phát hành ra công chúng, gia hạn thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu.	Đã hoàn thành.
2	QĐ số 69/QĐ-TMDK, 26/03/2012	Thay đổi Thư ký HĐQT: chỉ định bà Hoàng Thị Hải Yến đảm nhiệm công việc Thư ký HĐQT thay cho bà Phạm Thị Thanh nhận nhiệm vụ khác.	TGD đã ra Quyết định số 69 và 70/QĐ-TMDK, 26/03/2012 điều động Bà Hoàng Thị Hải Yến làm Thư ký HĐQT thay Bà Phạm Thị Thanh nhận nhiệm vụ khác.
3	QĐ số 70b/QĐ-TMDK, 26/03/2012	Quyết định đầu tư mua mới 01 chiếc xe ô tô, loại 7 chỗ hiệu Toyota Fortuner sản xuất năm 2012 để phục vụ hoạt động SXKD của Công ty và các cán bộ Công ty khi đi công tác tại Hà Nội và các tỉnh phía Bắc.	Đã hoàn thành.
4	NQ số 73/QN-LT-TMDK, 09/04/2012	Nghị quyết liên tịch về việc thông qua Quy chế làm việc giữa HĐQT, TGD và Công đoàn Công ty CP TMDK Petechim.	Đang áp dụng.
5	NQ số 77/QN-TMDK, 16/04/2012	Thông qua phương án bán cổ phần đối với số cổ phần không bán hết do CBNV và cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua.	Đã hoàn thành.
6	NQ số 78/QN-TMDK, 17/04/2012	Thông qua danh sách cổ đông chiến lược tham gia mua cổ phần.	Đã hoàn thành.
7	QĐ số 102/QĐ-TMDK, 23/05/2012	Thông qua kết quả phát hành cổ phần ra công chúng: số lượng cổ phần đã thực hiện chào bán thành công trong đợt phát hành là 15.000.000 cổ phần tương đương 150.000.000.000 VNĐ.	Đã hoàn thành.
8	QĐ số 103/QĐ-TMDK, 23/05/2012	Quyết định sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP TMDK Petechim tại Khoản 3 – Điều 2 (Địa chỉ trụ sở chính) và Khoản 1 – Điều 5 (Vốn Điều lệ)	Đã được ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2012 thông qua ngày 15/08/2012.

Handwritten mark

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung	Kết quả thực hiện
9	QĐ số 128/QĐ-TMDK, 13/07/2012	Quyết định thay đổi trụ sở chính của Công ty từ Lầu 7, Tòa nhà Citilight, Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, Quận 1, Tp. HCM đến Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM.	Đã hoàn thành.
10	NQ số 138/NQ-TMDK, 01/08/2012	Thay đổi Thư ký HĐQT: chỉ định bà Nguyễn Xuân Trúc Chi đảm nhiệm công việc Thư ký HĐQT thay cho bà Hoàng Thị Hải Yến chuyển công tác.	TGD đã ra Quyết định số 128/QĐ-TMDK, 13/7/2012 chỉ định Bà Nguyễn Xuân Trúc Chi làm Thư ký HĐQT thay cho Bà Hoàng Thị Hải Yến chuyển công tác
11	NQ số 138/NQ-TMDK, 01/08/2012	Mua lại cổ phần chi phối Công ty CP Thương mại Năng lượng xanh (GEC).	Đã hoàn tất thủ tục mua 51% cổ phần chi phối của GEC.
12	QĐ số 240/QĐ-TMDK, 25/10/2012	Quyết định cử Người đại diện phần vốn của Công ty Petechim tại Công ty CP Thương mại Năng lượng xanh (GEC) và các nhân sự bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT, Trưởng BKS và Kế toán trưởng tại GEC.	Ngày 23/11/2012, Đại hội đồng cổ đông Lần 1 năm 2012 của GEC đã thông qua việc bầu Ông Trần Văn Mạnh – TGD Petechim, Người đại diện phần vốn của Petechim tại GEC giữ chức danh Chủ tịch HĐQT GEC, Bà Nguyễn Ngọc Anh – Kế toán trưởng Petechim giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát GEC, Ông Ngô Tiến Mạnh – Phó phòng TCKT Petechim giữ chức danh Kế toán trưởng GEC.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Họ và tên	Chương trình đào tạo	Thời gian/ Địa điểm đào tạo	Nơi cấp chứng chỉ
1	Hoàng Dương – Chủ tịch HĐQT	Bồi dưỡng kiến thức kỹ năng lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp	Từ 04/05 đến 13/06/2009 tại Vũng Tàu	Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị của Bộ Xây dựng

Handwritten signature

STT	Họ và tên	Chương trình đào tạo	Thời gian/ Địa điểm đào tạo	Nơi cấp chứng chỉ
2	Trần Văn Mạnh - Ủy viên HĐQT kiêm TGD	Chương trình phát triển nghề nghiệp	12/05/2007	John Robert Powers
		Quản lý rủi ro tín dụng	26/06 đến 28/06/2008	Small and Medium sized enterprises development fund (SMEDF)
		Kế toán dành cho Lãnh đạo doanh nghiệp	11/06/2011	CLB Giám đốc Tài chính Việt Nam và Công ty CFO Capital đồng tổ chức

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Số lượng: 03 thành viên - Nhiệm kỳ: 2011 – 2015

Sơ yếu lý lịch:

1. Ông Nguyễn Quang Trung – Trưởng Ban Kiểm soát

Sinh ngày: 14 – 09 – 1972

Số CMND: 022965741 cấp ngày 07 – 07 – 1999 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Thạc sĩ Tài chính và Kinh doanh tiền tệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 14.90%

2. Ông Huỳnh Minh Triết - Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày: 10 – 03 – 1962

Số CMND: 023081339 cấp ngày 06 – 05 – 2010 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Thạc sĩ Quản lý tài chính công

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

3. Bà Huỳnh Mai - Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày: 03 – 04 – 1982

Số CMND: 023474283 cấp ngày 14 – 06 – 2001 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2012, BKS tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia các buổi họp về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Kiểm tra, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Kiểm tra, theo dõi các dự án đầu tư của công ty.

- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, sản xuất, kinh doanh của phòng tài chính kế toán cung cấp.

1. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Ban Kiểm soát

STT	Ngày họp	Nội dung thông qua	Kết quả thực hiện	Ghi chú
1	15/8/2012	Bầu Trưởng ban Kiểm soát công ty nhằm kiện toàn tổ chức Ban kiểm soát	Ông Nguyễn Quang Trung là Trưởng ban Kiểm soát	Biên bản họp số 01/BKS-BBH ngày 15/8/2012
2	24/8/2012	Phân công nhiệm vụ cho Ban kiểm soát	Đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BKS	Biên bản họp số 02/BKS-BBH ngày 24/8/2012
3	21/1/2013	Xem xét, thông qua Báo cáo Kiểm soát năm 2012	Đã trình báo cáo cho HĐQT	Biên bản họp số 03/BKS-BBH ngày 21/1/2013

2. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

- Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý công ty.
- Ban kiểm soát đánh giá cao HĐQT đã có các giải pháp kinh doanh hiệu quả để hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trong năm 2012, giữ vững được thị trường truyền thống, đồng thời mở ra những lĩnh vực kinh doanh mới, tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng 05 năm liên tiếp...

3. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với Hội đồng quản trị, Ban tổng Giám đốc và cổ đông

- Nhìn chung năm 2012 BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên trong năm 2012, BKS vẫn chưa tiến hành thường xuyên việc liên lạc, trao đổi, phối hợp tốt với các cổ đông.

4. Kế hoạch hoạt động năm 2013 của BKS:

- Họp Ban kiểm soát 4 lần/năm.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị xem xét và phê duyệt.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban lãnh đạo công ty.
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã thống nhất mức trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2012 với tổng số tiền là 485.925.689 đồng (tương đương 2% lợi nhuận sau thuế).

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam, các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty và Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xin xem “Báo cáo tài chính riêng năm 2012” và “Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012” của Công ty đã được kiểm toán bởi E&Y Việt Nam đính kèm.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT, NXTC – 03b

Đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2012;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012.

TỔNG GIÁM ĐỐC


TRẦN VĂN MẠNH



Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

Các báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 39

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008984, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 1 năm 2008 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	11 tháng 9 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ hai	28 tháng 10 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ ba	5 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ tư	25 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ năm	18 tháng 3 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 7 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ bảy	24 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ tám	7 tháng 9 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ chín	22 tháng 2 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười	28 tháng 6 năm 2012

Hoạt động chính trong năm của Công ty là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 11, Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh tại Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Kính	Thành viên	
Ông Đinh Việt Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Trung	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Phạm Thanh Sơn	Trưởng ban kiểm soát	Từ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Huỳnh Minh Triết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Tiến Minh Trí	Thành viên	Từ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Bà Huỳnh Mai	Thành viên	

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Mạnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kính	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Văn Mạnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Số tham chiếu: 61041700/16145788

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 39 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.


Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.





Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: D.0048/KTV



Lê Vũ Trường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: N.1588/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 4 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		423.074.925.824	224.183.501.881
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	188.542.181.166	86.675.004.295
111	1. Tiền		29.542.181.166	2.979.004.295
112	2. Các khoản tương đương tiền		159.000.000.000	83.696.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12	835.646.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		835.646.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		172.339.022.533	105.218.280.192
131	1. Phải thu khách hàng	6	79.837.796.138	57.967.075.539
132	2. Trả trước cho người bán	7	85.133.457.824	40.179.921.588
135	3. Các khoản phải thu khác	8	7.367.768.571	7.071.283.065
140	IV. Hàng tồn kho	9	42.641.137.198	31.863.243.394
141	1. Hàng tồn kho		42.641.137.198	31.863.243.394
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.716.938.927	426.974.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		345.004.705	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.074.114.595	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		13.105.688	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		12.284.713.939	426.974.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		103.113.485.521	44.293.856.798
220	I. Tài sản cố định		59.970.684.536	4.246.360.158
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	57.956.818.737	4.246.360.158
222	Nguyên giá		63.175.168.246	6.867.815.322
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.218.349.509)	(2.621.455.164)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.013.865.799	-
228	Nguyên giá		2.219.692.914	204.992.914
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(205.827.115)	(204.992.914)
220	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	39.415.890.029	39.918.017.637
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		715.890.029	1.218.017.637
258	2. Đầu tư dài hạn khác		41.000.000.000	41.000.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.439.794.274	129.479.003
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.426.794.274	116.479.003
268	2. Tài sản dài hạn khác		13.000.000	13.000.000
269	IV. Lợi thế thương mại	13	2.287.116.682	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		526.188.411.345	268.477.358.679

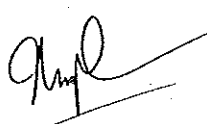
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		264.563.129.929	181.090.508.024
310	I. Nợ ngắn hạn		214.324.155.029	181.077.214.524
311	1. Vay ngắn hạn	15	79.890.819.326	-
312	2. Phải trả người bán	16	101.716.239.721	140.051.964.072
313	3. Người mua trả tiền trước	17	2.807.949.504	16.382.477.751
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	3.896.563.044	10.934.293.706
315	5. Phải trả người lao động		5.126.928.015	5.814.621.277
316	6. Chi phí phải trả	19	12.604.037.723	1.708.000.000
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	3.793.389.805	1.812.249.235
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.488.227.891	4.373.608.483
330	II. Nợ dài hạn		50.238.974.900	13.293.500
331	1. Phải trả dài hạn người bán	28	50.238.731.400	-
333	2. Phải trả dài hạn khác		243.500	13.293.500
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		252.801.703.752	87.386.850.655
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	252.801.703.752	87.386.850.655
411	1. Vốn cổ phần		200.000.000.000	50.000.000.000
416	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(627.153.704)
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		27.339.344.475	20.162.001.709
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		5.203.339.752	4.007.115.958
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.259.019.525	13.844.886.692
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		8.823.577.664	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		526.188.411.345	268.477.358.679

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

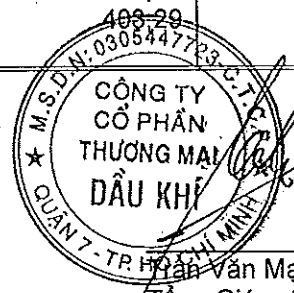
CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	848.319,73	82.749,72
- Euro (EUR)	403,29	402,96



Phạm Thị Hồng Yên
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 4 năm 2013

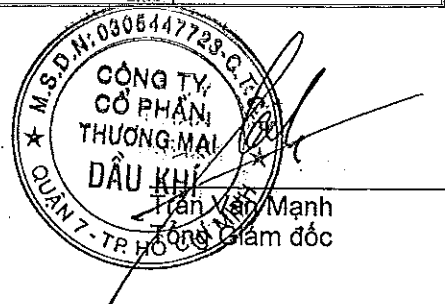
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.141.817.223.383	741.146.349.196
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(3.021.640.244)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.138.795.583.139	741.146.349.196
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	23, 26	(1.065.488.620.814)	(674.958.585.650)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		73.306.962.325	66.187.763.546
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	18.313.226.103	11.225.602.998
22	7. Chi phí tài chính	24	(2.850.494.450)	(5.101.368.869)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(907.980.523)	(769.724.687)
24	8. Chi phí bán hàng	26	(28.234.457.429)	(21.879.523.932)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(23.988.836.380)	(22.339.279.315)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.546.400.169	28.093.194.428
31	11. Thu nhập khác	25	1.160.917.336	830.685.922
32	12. Chi phí khác	25	(984.275.597)	(366.310.465)
40	13. Lợi nhuận khác	25	176.641.739	464.375.457
45	14. Phần lỗ từ công ty liên kết		(502.127.608)	(482.549.595)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		36.220.914.300	28.075.020.290
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(8.538.920.308)	(7.247.887.312)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		27.681.993.992	20.827.132.978
61	Trong đó: - Lợi ích của các cổ đông thiểu số		1.943.684.599	-
62	- Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		25.738.309.393	20.827.132.978
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.5	1.645	4.165

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Ngày 17 tháng 4 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

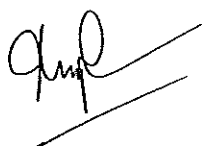
VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		36.220.914.300	28.075.020.290
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao, khấu trừ tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	10, 11, 13	2.329.040.187	1.102.659.567
03	Các khoản dự phòng		-	2.300.000.000
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	24	124.031.797	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(17.092.674.325)	(7.488.684.473)
06	Chi phí lãi vay	24	907.980.523	769.724.687
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.489.292.482	24.758.720.071
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(63.225.498.182)	2.896.164.744
10	Giảm hàng tồn kho		3.398.984.847	19.530.781.433
11	Giảm các khoản phải trả		(63.374.276.874)	(26.925.742.586)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.391.451.327)	1.298.427.896
13	Tiền lãi vay đã trả		(750.850.800)	(769.724.687)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.583.042.008)	(2.260.326.334)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.785.380.592)	(3.743.550.268)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(122.222.222.454)	14.784.750.269
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(8.262.926.662)	(2.241.589.091)
23	Tiền mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.900.000.000)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.219.461.875)	(41.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.761.198.823	-
27	Tiền thu lãi và lợi nhuận được chia	22.2	14.417.818.221	7.971.234.068
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(203.371.491)	(35.270.355.023)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

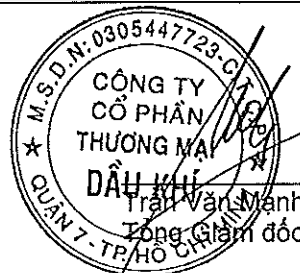
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	21	150.000.000.000	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		116.071.610.190	42.230.188.581
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(36.180.790.864)	(62.230.188.581)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(5.640.122.600)	(5.733.968.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		224.250.696.726	(25.733.968.350)
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		101.825.102.781	(46.219.573.104)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	86.717.078.385	132.894.577.399
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	188.542.181.166	86.675.004.295



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Ngày 17 tháng 4 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008984, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 1 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	11 tháng 9 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ hai	28 tháng 10 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ ba	5 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ tư	25 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ năm	18 tháng 3 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 7 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ bảy	24 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ tám	7 tháng 9 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ chín	22 tháng 2 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười	28 tháng 6 năm 2012

Hoạt động chính trong năm của Công ty là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 11, Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh tại Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 116 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 99 người).

Công ty có một công ty con, Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh (“GEC”).

GEC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500867357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 4 năm 2008. Hoạt động chính của GEC là mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm năng lượng thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô và xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp. GEC có trụ sở chính tại Ô 1, Ấp Bắc, Xã Hòa Long, Thị Xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty đã chuyển sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"). CMKTVN số 10 và Thông tư 179 khác với Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá mà Nhóm Công ty đã sử dụng trong kỳ trước để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá như sau:

Nghiệp vụ

Xử lý kế toán theo

CMKTVN số 10

Thông tư 201

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được hoàn nhập trong năm tiếp theo.

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Nhóm Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất các năm sau. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng 5 năm tiếp theo.

Thông tư 179

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại cuối năm.

Tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản.

Tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày báo cáo.

CMKTVN số 10 và Thông tư 179 được áp dụng từ năm 2012 trên cơ sở phi hồi tố. Ảnh hưởng của việc thay đổi trong đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm đến các báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu xét trên khía cạnh tổng thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|------------------------------|---|
| Nguyên vật liệu | - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước. |
| Thành phẩm | - Giá vốn nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp nhập trước xuất trước. |
| Hàng hóa và sản phẩm dở dang | - chi phí mua theo phương pháp nhập trước xuất trước |

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất được Nhóm Công ty mua. Quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	50 năm
Phương tiện vận tải	4 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lỗ của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.12 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc niên độ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty đã áp dụng CMKTVN số 10 và Thông tư 179 để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá từ năm 2012.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản vào thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cách xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN số 10 nói trên khác biệt so với quy định trong Thông tư 201 đã được Nhóm Công ty áp dụng trong năm 2011. Các khác biệt giữa CMKTVN số 10/Thông tư 179 và Thông tư 201 và ảnh hưởng của việc thay đổi đối với các báo cáo tài chính hợp nhất của năm 2012 được trình bày trong Thuyết minh 3.1.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thông thường là khi biên bản nghiệm thu bàn giao hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay, các khoản phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2012, Công ty đã mua 51% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh ("GEC"), với mục đích phát triển hoạt động cung cấp sản phẩm phụ gia xăng dầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của GEC tại ngày mua được trình bày dưới đây.

	VND	
	<i>Giá trị ghi sổ của GEC trước khi mua</i>	<i>Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua</i>
TÀI SẢN	47.559.166.086	42.059.473.967
Tiền và tương đương tiền	2.307.225.926	2.307.225.926
Hàng tồn kho	14.256.375.942	14.256.375.942
Chi phí trả trước ngắn hạn	263.868.649	263.868.649
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.008.072.232	2.008.072.232
Tài sản ngắn hạn khác	17.574.605.168	15.421.763.218
Tài sản cố định hữu hình	11.149.018.169	7.802.168.000
NỢ PHẢI TRẢ	28.018.875.876	28.018.875.876
Nợ và vay ngắn hạn	1.838.931.900	1.838.931.900
Phải trả người bán	19.351.223.269	19.351.223.269
Người mua trả tiền trước	6.752.870.415	6.752.870.415
Phải trả khác	75.850.292	75.850.292
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	<u>9.574.742.203</u>	<u>14.040.598.091</u>
Cổ đông thiểu số		(6.879.893.065)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 13)		<u>2.365.982.774</u>
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán		<u>9.526.687.800</u>

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	486.640.607	241.070.786
Tiền gửi ngân hàng	23.954.390.318	2.737.933.509
Tiền đang chuyển	5.101.150.241	-
Tương đương tiền	<u>159.000.000.000</u>	<u>83.696.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>188.542.181.166</u>	<u>86.675.004.295</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn dưới ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và hưởng lãi suất bình quân từ 8% đến 9% một năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VND	
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	9.878.266.758	1.945.979.309
Phải thu các bên thứ ba	<u>69.959.529.380</u>	<u>56.021.096.230</u>
TỔNG CỘNG	<u>79.837.796.138</u>	<u>57.967.075.539</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Trả trước cho các bên thứ ba	<u>85.133.457.824</u>	<u>40.179.921.588</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự thu lãi tiền gửi	1.480.138.889	2.512.880
Phải thu khác	<u>5.887.629.682</u>	<u>7.068.770.185</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.367.768.571</u>	<u>7.071.283.065</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	2.512.880	2.512.880
<i>Phải thu bên thứ ba</i>	7.365.255.691	7.068.770.185

9. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	54.176.471	-
Thành phẩm	13.259.989	-
Sản phẩm dở dang	<u>42.573.700.738</u>	<u>31.863.243.394</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam</i>	25.648.231.603	16.152.920.332
<i>Dự án Nam Rồng Đồi Mồi (i)</i>	13.016.560.711	13.016.560.711
<i>Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước</i>	2.916.965.079	-
<i>Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Liên Doanh Việt-Nga</i>	-	1.235.508.750
<i>Các hợp đồng khác</i>	<u>991.943.345</u>	<u>1.458.253.601</u>
TỔNG CỘNG	<u>42.641.137.198</u>	<u>31.863.243.394</u>

- (i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trên thể hiện các khoản chi phí cho dự án Nam Rồng Đồi Mồi đã hoàn thành vào năm 2009. Tuy nhiên, tiến trình nghiệm thu và hóa đơn vẫn chưa hoàn tất với khách hàng. Ban Giám đốc Nhóm Công ty tin rằng các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tồn đọng này có thể thu hồi được hoàn toàn trong thời gian sắp tới.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa & vật kiến trúc	Máy móc & thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VNĐ
Số đầu năm	32.188.800	-	5.043.370.468	1.688.641.306	103.614.748	6.867.815.322
Tăng	54.597.642.597	3.114.735.832	1.593.448.148	3.412.260.665	-	62.718.087.242
Mua trong năm	46.521.544.881	-	1.072.563.636	3.412.260.665	-	51.006.369.182
Mua công ty con	8.076.097.716	3.114.735.832	520.884.512	-	-	11.711.718.060
Giảm	(5.128.532.169)	(1.146.554.000)	(135.648.149)	-	-	(6.410.734.318)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(135.648.149)	-	-	(135.648.149)
Kết chuyển khác	(1.781.682.000)	(1.146.554.000)	-	-	-	(2.928.236.000)
Điều chỉnh theo giá trị hợp lý	(3.346.850.169)	-	-	-	-	(3.346.850.169)
Số cuối năm	49.501.299.228	1.968.181.832	6.501.170.467	5.100.901.971	103.614.748	63.175.168.246
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	-	-	1.054.854.276	84.114.748	1.138.969.024
Giá trị hao mòn:						
Số đầu năm	18.240.320	-	1.294.107.579	1.235.239.055	73.868.210	2.621.455.164
Khấu hao trong năm	320.433.603	276.954.050	1.087.539.302	544.741.401	19.671.538	2.249.339.894
Mua công ty con	430.317.028	102.079.833	30.303.030	-	-	562.699.891
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(135.648.149)	-	-	(135.648.149)
Giảm khác	(3.758.052)	(75.739.239)	-	-	-	(79.497.291)
Số cuối năm	765.232.899	303.294.644	2.276.301.762	1.779.980.456	93.539.748	5.218.349.509
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	13.948.480	-	3.749.262.889	453.402.251	29.746.538	4.246.360.158
Số cuối năm	48.736.066.329	1.664.887.188	4.224.868.705	3.320.921.515	10.075.000	57.956.818.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VNĐ
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	-	204.992.914	204.992.914
Mua trong năm	2.000.000.000	14.700.000	2.014.700.000
Số cuối năm	2.000.000.000	219.692.914	2.219.692.914
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	204.992.914	204.992.914
Giá trị hao mòn:			
Số đầu năm	-	204.992.914	204.992.914
Khấu trừ trong năm	834.201	-	834.201
Số cuối năm	834.201	204.992.914	205.827.115
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	1.999.165.799	14.700.000	2.013.865.799

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 12.1)	835.646.000	-
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư ngắn hạn	835.646.000	-
Đầu tư dài hạn		
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh số 12.3)	41.000.000.000	41.000.000.000
Dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư dài hạn	41.200.000.000	41.200.000.000

12.1 Đầu tư chứng khoán

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị đầu tư (VNĐ)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội	85.270	835.646.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư còn lại
	VNĐ			
Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu Khí ("PLC")	25	715.890.029	25	1.218.017.637

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày như sau:

	VNĐ
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm và cuối năm	<u>2.500.000.000</u>
Phản lũy kế lỗ sau khi đầu tư vào công ty liên kết	
Số đầu năm	1.281.982.363
Phản lỗ từ công ty liên kết	<u>502.127.608</u>
Số cuối năm	<u>1.784.109.971</u>
Giá trị đầu tư còn lại	
Số đầu năm	<u>1.218.017.637</u>
Số cuối năm	<u>715.890.029</u>

12.3 Đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	Số tiền (VNĐ)	Số lượng (cổ phiếu)	Số tiền (VNĐ)
Công ty xây dựng trang trí kiến trúc ADC	1.000.000	17.000.000.000	1.000.000	17.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	1.100.000	11.000.000.000	1.100.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>3.400.000</u>	<u>41.000.000.000</u>	<u>3.400.000</u>	<u>41.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá:

Số đầu năm	-
Tăng (<i>Thuyết minh số 4</i>)	<u>2.365.982.774</u>
Số cuối năm	<u>2.365.982.774</u>

Phân bổ lũy kế:

Số đầu năm	-
Phân bổ trong năm	<u>78.866.092</u>
Số cuối năm	<u>78.866.092</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u><u>2.287.116.682</u></u>

14. Chi phí trả trước dài hạn

VND

Số cuối năm Số đầu năm

Chi phí bảo trì tòa nhà	910.121.946	-
Công cụ, dụng cụ	471.921.753	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	44.750.575	<u>116.479.003</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.426.794.274</u>	<u>116.479.003</u>

15. VAY NGẮN HẠN

VND

Số cuối năm Số đầu năm

Vay ngắn hạn	<u>79.890.819.326</u>	-
--------------	-----------------------	---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

15. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết vay ngắn hạn như sau:

Tên ngân hàng	Giá trị ban đầu US\$	Số cuối năm VNĐ	Ngày đến hạn	Lãi suất	Thế chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	1.894.463	39.477.834.366	Từ ngày 20 tháng 2 đến ngày 21 tháng 6 năm 2013	4%	Tín chấp
Ngân Hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	1.456.480	30.335.565.440	Từ ngày 21 tháng 1 đến ngày 10 tháng 2 năm 2013	Từ 4% đến 4,2%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP.HCM	483.840	10.077.419.520	Ngày 24 tháng 1 năm 2013	5%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	3.834.783	79.890.819.326			

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số đầu năm	VNĐ Số cuối năm
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	42.058.782.600	-
Phải trả ngắn hạn cho bên thứ ba	59.657.457.121	140.051.964.072
TỔNG CỘNG	101.716.239.721	140.051.964.072

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số đầu năm	VNĐ Số cuối năm
Các bên liên quan trả tiền trước	-	13.198.923.687
Người mua trả tiền trước	2.807.949.504	3.183.554.064
TỔNG CỘNG	2.807.949.504	16.382.477.751

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.1)	2.144.252.668	9.188.374.368
Thuế thu nhập cá nhân	1.752.310.376	270.549.795
Thuế giá trị gia tăng	-	1.475.369.543
TỔNG CỘNG	<u>3.896.563.044</u>	<u>10.934.293.706</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả cho dự án phần mềm bản quyền Microsoft	10.692.408.100	-
Dự án Cù Lao Tào	1.754.499.900	-
Lãi vay	157.129.723	-
Chi phí phải trả cho dự án nâng cấp server T-32	-	1.708.000.000
TỔNG CỘNG	<u>12.604.037.723</u>	<u>1.708.000.000</u>

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	2.375.603.050	965.115.650
Phải trả lãi trả chậm	827.264.444	-
Kinh phí công đoàn	294.606.255	343.136.877
Các khoản phải trả khác	295.916.056	503.996.708
TỔNG CỘNG	<u>3.793.389.805</u>	<u>1.812.249.235</u>

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư & phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	50.000.000.000	(448.672.631)	13.769.096.936	2.941.631.830	11.437.163.131	77.699.219.266
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(178.481.073)	-	-	-	(178.481.073)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	20.827.132.978	20.827.132.978
Trích lập quỹ	-	-	6.392.904.773	1.065.484.128	(7.458.388.901)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.699.084.000)	(6.699.084.000)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.261.936.516)	(4.261.936.516)
Số cuối năm	50.000.000.000	(627.153.704)	20.162.001.709	4.007.115.958	13.844.886.692	87.386.850.655
Năm nay						
Số đầu năm	50.000.000.000	(627.153.704)	20.162.001.709	4.007.115.958	13.844.886.692	87.386.850.655
Tăng vốn	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	627.153.704	-	-	-	627.153.704
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	25.738.309.393	25.738.309.393
Trích lập quỹ	-	-	7.177.342.766	1.196.223.794	(8.373.566.560)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.050.610.000)	(7.050.610.000)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.900.000.000)	(3.900.000.000)
Số cuối năm	200.000.000.000	-	27.339.344.475	5.203.339.752	20.259.019.525	252.801.703.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số tiền theo		VND
	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	%	Vốn cổ phần đã góp
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29	58.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trảng An	46.200.000.000	23	46.200.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	15	29.800.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP.HCM	22.000.000.000	11	22.000.000.000
Các chủ sở hữu khác	44.000.000.000	22	44.000.000.000
TỔNG CỘNG	200.000.000.000	100	200.000.000.000

21.3 Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Tăng trong năm	150.000.000.000	-
Số cuối năm	200.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức		
Chia cổ tức	7.050.610.000	6.699.084.000
Cổ tức đã trả	5.640.122.600	5.733.968.350

21.4 Cổ phiếu

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu đã được duyệt	20.000.000	5.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	20.000.000	5.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	5.000.000

21.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	25.738.309.393	20.827.132.978
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	<u>15.643.836</u>	<u>5.000.000</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.645	4.165

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.141.817.223.383	741.146.349.196
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	1.115.162.638.690	716.420.614.723
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	26.654.584.693	24.725.734.473
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.021.640.244)	-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(3.021.640.244)</i>	<i>-</i>
Doanh thu thuần	<u>1.138.795.583.139</u>	<u>741.146.349.196</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng</i>	1.112.140.998.446	716.420.614.723
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	26.654.584.693	24.725.734.473

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	14.471.414.795	7.971.234.068
Lãi do bán các khoản đầu tư ngắn hạn	1.696.844.823	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.510.922.431	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	477.467.481	3.254.368.930
Chiết khấu thanh toán được nhận	<u>156.576.573</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>18.313.226.103</u>	<u>11.225.602.998</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	1.059.591.523.894	671.449.117.601
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.897.096.920	3.509.468.049
TỔNG CỘNG	<u>1.065.488.620.814</u>	<u>674.958.585.650</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	991.217.686	2.031.644.182
Lãi tiền vay	907.980.523	769.724.687
Lãi trả chậm tiền mua văn phòng	827.264.444	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	124.031.797	-
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	-	2.300.000.000
TỔNG CỘNG	<u>2.850.494.450</u>	<u>5.101.368.869</u>

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.160.917.336	830.685.922
Thu tiền phạt chậm giao hàng của nhà cung cấp	1.091.377.173	570.338.802
Thu nhập khác	69.540.163	260.347.120
Chi phí khác	(984.275.597)	(366.310.465)
Chi phí phạt chậm giao hàng cho chủ đầu tư	(949.546.390)	(312.165.965)
Chi phí khác	(34.729.207)	(54.144.500)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>176.641.739</u>	<u>464.375.457</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	1.030.415.791.068	671.449.117.601
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.072.829.746	-
Chi phí lương	2.329.040.187	1.102.659.567
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (Thuyết minh số 10, 11 và 13)	2.721.061.133	6.020.998.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.337.299.599	19.213.723.066
Chi phí khác	17.337.299.599	19.213.723.066
TỔNG CỘNG	<u>1.117.711.914.623</u>	<u>719.177.388.897</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	36.220.914.300	28.075.020.290
Chi phí không được khấu trừ	498.674.040	433.979.361
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	36.719.588.340	28.508.999.651
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	8.538.920.308	7.247.887.312
Thuế TNDN phải trả đầu năm	9.188.374.368	4.200.813.390
Thuế TNDN đã trả trong năm	(15.583.042.008)	(2.260.326.334)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	2.144.252.668	9.188.374.368

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ
			Giá trị
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đồng	Mua hàng	572.900.531.813
		Mua văn phòng	44.758.142.520
		Bán hàng	78.307.444.874
		Nhận vốn góp	43.500.000.000
		Trả cổ tức	2.044.500.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ
			Giá trị
Phải thu khách hàng			
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đồng	Bán hàng	<u>9.878.266.758</u>
Phải thu khác			
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đồng	Phải thu khác	<u>2.512.880</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i> <i>Giá trị</i>
<i>Phải trả người bán</i>			
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông	Mua hàng	<u>42.058.782.600</u>
<i>Phải trả khác</i>			
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông	Lãi trả chậm	<u>827.264.444</u>
<i>Phải trả dài hạn</i>			
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông	Mua văn phòng	49.233.956.772
		Phí bảo trì văn phòng	<u>1.004.774.628</u>
			<u>50.238.731.400</u>

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	<i>Năm nay</i>	<i>VNĐ</i> <i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	3.774.264.000	2.217.996.000

29. CÁC CAM KẾT GÓP VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

	<i>Vốn điều lệ</i>		<i>Đã góp</i>	<i>VNĐ</i> <i>Vốn còn phải góp</i>
	<i>Vốn góp cam kết</i>	<i>Tỷ lệ %</i>		
Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu Khí	<u>7.500.000.000</u>	<u>25</u>	<u>2.500.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và các khoản đầu tư tài chính phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn, vay.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Bảng phân tích độ nhạy thể hiện sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất đối với các khoản tiền, tiền gửi có kỳ hạn, vay và nợ đối với lãi suất thả nổi.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	VNĐ Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
USD	+100	(617.930.718)
VNĐ	+100	1.440.213.044
USD	-100	617.930.718
VNĐ	-100	(1.440.213.044)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011		
USD	+100	52.134.125
VNĐ	+100	849.262.073
USD	-100	(52.134.125)
VNĐ	-100	(849.262.073)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Nhóm Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái Nhóm Công ty là không đáng kể.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái của Nhóm Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Nhóm Công ty là 835.646.000 VNĐ. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì sẽ lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty sẽ giảm khoảng 83.564.600 VNĐ, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty sẽ tăng lên khoảng 83.564.600 VNĐ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Giám đốc của Nhóm Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2012				VNĐ
Các khoản vay và nợ	79.890.819.326	-	-	79.890.819.326
Phải trả người bán	101.716.239.721	11.593.553.400	38.645.178.000	151.954.971.121
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	16.397.427.528	-	-	16.397.427.528
	198.004.486.575	11.593.553.400	38.645.178.000	248.243.217.975
31 tháng 12 năm 2011				
Phải trả người bán	140.051.964.072	-	-	140.051.964.072
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	3.520.249.235	-	-	3.520.249.235
	143.572.213.307	-	-	143.572.213.307

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	835.646.000	-	-	-	-
- Cổ phiếu niêm yết					
- Cổ phiếu chưa niêm yết	41.715.890.029	(2.300.000.000)	42.218.017.637	(2.300.000.000)	39.918.017.637
Phải thu khách hàng	69.959.529.380	-	48.088.808.781	-	69.959.529.380
Phải thu các bên liên quan	9.880.779.638	-	9.880.779.638	-	9.880.779.638
Phải thu khác	7.365.255.691	-	7.068.770.185	-	7.365.255.691
Tiền và các khoản tương đương tiền	188.542.181.166	-	86.675.004.295	-	188.542.181.166
Tổng cộng	318.299.281.904	(2.300.000.000)	193.931.380.536	(2.300.000.000)	315.999.281.904
					191.631.380.536
					VNĐ
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ					
Phải trả người bán	79.890.819.326	-	79.890.819.326	-	79.890.819.326
Phải trả các bên liên quan	59.657.457.121	140.051.964.072	59.657.457.121	140.051.964.072	140.051.964.072
Phải trả khác	92.297.514.000	-	92.297.514.000	-	92.297.514.000
Phải trả khác	16.397.427.528	3.520.249.235	16.397.427.528	3.520.249.235	16.397.427.528
Tổng cộng	248.243.217.975	143.572.213.307	248.243.217.975	143.572.213.307	248.243.217.975
					143.572.213.307
					VNĐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

32. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

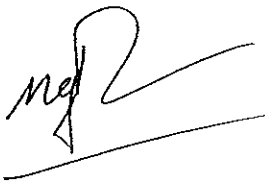
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Nhóm Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

33. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Các số liệu tương ứng trên các báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của các báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 4 năm 2013

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

Các báo cáo tài chính riêng

31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1-2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán riêng	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8-9
Thuyết minh các báo cáo tài chính riêng	10-37

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 1 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	11 tháng 9 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ hai	28 tháng 10 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ ba	5 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ tư	25 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ năm	18 tháng 3 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 7 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ bảy	24 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ tám	7 tháng 9 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ chín	22 tháng 2 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười	28 tháng 6 năm 2012

Hoạt động chính trong năm của Công ty là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 11, Toà nhà Petroland, 12 Tân Trào, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh tại Tỉnh Cà Mau.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Kính	Thành viên	
Ông Đinh Việt Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Trung	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Phạm Thanh Sơn	Trưởng ban kiểm soát	Từ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Huỳnh Minh Triết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Tiến Minh Trí	Thành viên	Từ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Bà Huỳnh Mai	Thành viên	

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Mạnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kính	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Văn Mạnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc đã cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty là công ty mẹ của công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 11 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Số tham chiếu: 61041700/16145788

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 37 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Các báo cáo tài chính của Công ty vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 1 năm 2012 của họ đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần cho các báo cáo tài chính này.

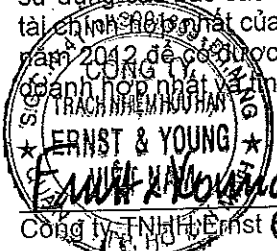
Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính riêng có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo tài chính riêng, trong đó trình bày việc Công ty là công ty mẹ của công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Mai

Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: D.0048/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Lê Vũ Trường

Lê Vũ Trường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: N.1588/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		404.305.781.595	224.183.501.881
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	162.130.111.713	86.675.004.295
111	1. Tiền		29.130.111.713	2.979.004.295
112	2. Các khoản tương đương tiền		133.000.000.000	83.696.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	11	835.646.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		835.646.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		192.620.845.229	105.218.280.192
131	1. Phải thu khách hàng	5	100.537.695.310	57.967.075.539
132	2. Trả trước cho người bán	6	84.715.381.348	40.179.921.588
135	3. Các khoản phải thu khác	7	7.367.768.571	7.071.283.065
140	IV. Hàng tồn kho	8	42.573.700.738	31.863.243.394
141	1. Hàng tồn kho		42.573.700.738	31.863.243.394
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.145.477.915	426.974.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		172.839.925	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.959.532.302	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		13.105.688	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	426.974.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		107.588.848.116	45.575.839.161
220	I. Tài sản cố định		55.456.881.720	4.246.360.158
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	53.457.715.921	4.246.360.158
222	Nguyên giá		57.874.184.504	6.867.815.322
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.416.468.583)	(2.621.455.164)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.999.165.799	-
228	Nguyên giá		2.204.992.914	204.992.914
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(205.827.115)	(204.992.914)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	50.726.687.800	41.200.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		9.526.687.800	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		2.500.000.000	2.500.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		41.000.000.000	41.000.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.405.278.596	129.479.003
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.392.278.596	116.479.003
268	2. Tài sản dài hạn khác		13.000.000	13.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		511.894.629.711	269.759.341.042


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012


VND

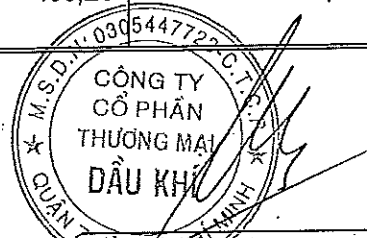
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		259.252.968.560	181.090.508.024
310	I. Nợ ngắn hạn		209.013.993.660	181.077.214.524
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	79.890.819.326	-
312	2. Phải trả người bán	14	97.064.166.503	140.051.964.072
313	3. Người mua trả tiền trước	15	2.807.949.504	16.382.477.751
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.615.313.893	
315	5. Phải trả người lao động		4.831.143.015	10.934.293.706
316	6. Chi phí phải trả	17	12.604.037.723	5.814.621.277
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	3.712.335.805	1.708.000.000
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.488.227.891	1.812.249.235
330	II. Nợ dài hạn		50.238.974.900	13.293.500
331	1. Phải trả dài hạn người bán	26	50.238.731.400	-
333	2. Phải trả dài hạn khác		243.500	13.293.500
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		252.641.661.151	88.668.833.018
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	252.641.661.151	88.668.833.018
411	1. Vốn cổ phần		200.000.000.000	50.000.000.000
416	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(627.153.704)
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		27.339.344.475	20.162.001.709
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		5.203.339.752	4.007.115.958
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.098.976.924	15.126.869.055
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		511.894.629.711	269.759.341.042

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	848.319,73	82.749,72
- Euro (EUR)	403,29	402,96


Phạm Thị Hồng Yên
Người lập


Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng


Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.101.132.733.699	741.146.349.196
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(3.021.640.244)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.098.111.093.455	741.146.349.196
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21, 24	(1.030.415.791.068)	(674.958.585.650)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		67.695.302.387	66.187.763.546
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	18.228.845.987	11.225.602.998
22	7. Chi phí tài chính	22	(2.850.494.450)	(5.101.368.869)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(907.980.523)	(769.724.687)
24	8. Chi phí bán hàng	24	(27.749.278.387)	(21.879.523.932)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(22.974.206.785)	(22.339.279.315)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		32.350.168.752	28.093.194.428
31	11. Thu nhập khác	23	1.160.731.543	830.685.922
32	12. Chi phí khác	23	(949.629.709)	(366.310.465)
40	13. Lợi nhuận khác	23	211.101.834	464.375.457
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		32.561.270.586	28.557.569.885
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(8.264.986.157)	(7.247.887.312)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		24.296.284.429	21.309.682.573

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		32.561.270.586	28.557.569.885
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao, khấu trừ tài sản cố định	9,10	1.795.847.620	1.102.659.567
03	Các khoản dự phòng		-	2.300.000.000
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	22	124.031.797	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(17.594.801.933)	(7.971.234.068)
06	Chi phí lãi vay	22	907.980.523	769.724.687
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.794.328.593	24.758.720.071
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(91.466.096.096)	2.896.164.744
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(10.710.457.344)	19.530.781.433
11	Giảm các khoản phải trả		(45.872.217.095)	(26.925.742.586)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.448.639.518)	1.298.427.896
13	Tiền lãi vay đã trả		(750.850.800)	(769.724.687)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.583.042.008)	(2.260.326.334)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.785.380.592)	(3.743.550.268)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(151.822.354.860)	14.784.750.269
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(2.767.637.782)	(2.241.589.091)
23	Tiền mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.900.000.000)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.2	(9.526.687.800)	(41.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.761.198.823	-
27	Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	7, 20.2	14.417.818.221	7.971.234.068
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		2.984.691.462	(35.270.355.023)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	19.1	150.000.000.000	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		116.071.610.190	42.230.188.581
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(36.180.790.864)	(62.230.188.581)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(5.640.122.600)	(5.733.968.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		224.250.696.726	(25.733.968.350)
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		75.413.033.328	(46.219.573.104)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	86.675.004.295	132.894.577.399
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		42.074.090	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	162.130.111.713	86.675.004.295

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 1 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	11 tháng 9 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ hai	28 tháng 10 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ ba	5 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ tư	25 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ năm	18 tháng 3 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 7 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ bảy	24 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ tám	7 tháng 9 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ chín	22 tháng 2 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười	28 tháng 6 năm 2012

Công ty có một (1) công ty con và một (1) công ty liên kết như được trình bày ở Thuyết minh số 11 của các báo cáo tài chính riêng.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 11, Toà nhà Petroland, 12 Tân Trào, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có một 1 chi nhánh tại Tỉnh Cà Mau.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 116 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 99 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty là công ty mẹ của công ty con và công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 11 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng** (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4) và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.4 **Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Việt Nam Đồng ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 **Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã chuyển sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"). CMKTVN số 10 và Thông tư 179 khác với Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá mà Công ty đã sử dụng trong kỳ trước để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá như sau:

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Nghị quyết	Xử lý kế toán theo	
	CMKTVN số 10	Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán riêng và sẽ được hoàn nhập trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. - Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng các năm sau. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong vòng 5 năm tiếp theo.
Thông tư 179		
Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại cuối năm.	Tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản.	Tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày báo cáo.

CMKTVN số 10 và Thông tư 179 được áp dụng từ năm 2012 trên cơ sở phi hồi tố. Ảnh hưởng của việc thay đổi trong đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm đến các báo cáo tài chính riêng vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu trên tổng thể.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc ít hơn 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa và sản phẩm dở dang - chi phí mua theo phương pháp nhập trước xuất trước

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán riêng. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa & vật kiến trúc	50 năm
Phương tiện vận tải	4 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	3 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thụ hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.12 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty đã áp dụng CMKTVN số 10 và Thông tư 179 để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá từ năm 2012.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Cách xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN số 10 nói trên khác biệt so với quy định trong Thông tư 201 đã được Công ty áp dụng trong năm 2011. Các khác biệt giữa CMKTVN số 10/Thông tư 179 và Thông tư 201 và ảnh hưởng của việc thay đổi đối với các báo cáo tài chính riêng của năm 2012 được trình bày trong Thuyết minh 3.1.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thông thường là khi biên bản nghiệm thu hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay, các khoản phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	481.680.771	241.070.786
Tiền gửi ngân hàng	23.547.280.701	2.737.933.509
Tiền đang chuyển	5.101.150.241	-
Tương đương tiền	133.000.000.000	83.696.000.000
TỔNG CỘNG	<u>162.130.111.713</u>	<u>86.675.004.295</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn dưới ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và hưởng lãi suất bình quân từ 8% đến 9% một năm.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	32.393.623.043	1.945.979.309
Phải thu các bên thứ ba	68.144.072.267	56.021.096.230
TỔNG CỘNG	<u>100.537.695.310</u>	<u>57.967.075.539</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên thứ ba	84.715.381.348	40.179.921.588

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự thu lãi tiền gửi	1.480.138.889	-
Phải thu khác	5.887.629.682	7.071.283.065
TỔNG CỘNG	<u>7.367.768.571</u>	<u>7.071.283.065</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	2.512.880	2.512.880
Phải thu bên thứ ba	7.365.255.691	7.068.770.185

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	<u>42.573.700.738</u>	<u>31.863.243.394</u>
<i>Trong đó:</i>		
Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	25.648.231.603	16.152.920.332
Dự án Nam Rồng Đồi Mồi (i)	13.016.560.711	13.016.560.711
Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước	2.916.965.079	-
Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Liên Doanh Việt-Nga	-	1.235.508.750
Các hợp đồng khác	991.943.345	1.458.253.601

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thể hiện các khoản chi phí cho dự án Nam Rồng Đồi Mồi đã hoàn thành vào năm 2009. Tuy nhiên, tiến trình nghiệm thu và hóa đơn vẫn chưa hoàn tất với khách hàng. Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tồn đọng này có thể thu hồi được hoàn toàn trong thời gian sắp tới.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa & vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					VNĐ
Số đầu năm	32.188.800	5.043.370.468	1.688.641.306	103.614.748	6.867.815.322
Mua mới trong năm	46.521.544.881	1.072.563.636	3.412.260.665	-	51.006.369.182
Số cuối năm	46.553.733.681	6.115.934.104	5.100.901.971	103.614.748	57.874.184.504
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	-	1.054.854.276	84.114.748	1.138.969.024
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	18.240.320	1.294.107.579	1.235.239.055	73.868.210	2.621.455.164
Khấu hao trong năm	315.555.139	915.045.341	544.741.401	19.671.538	1.795.013.419
Số cuối năm	333.795.459	2.209.152.920	1.779.980.456	93.539.748	4.416.468.583
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	13.948.480	3.749.262.889	453.402.251	29.746.538	4.246.360.158
Số cuối năm	46.219.938.222	3.906.781.184	3.320.921.515	10.075.000	53.457.715.921

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	-	204.992.914	204.992.914
Mua mới	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Số cuối năm	2.000.000.000	204.992.914	2.204.992.914
Trong đó Đã khấu trừ hết	-	204.992.914	204.992.914
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	204.992.914	204.992.914
Khấu trừ trong năm	834.201	-	834.201
Số cuối năm	834.201	204.992.914	205.827.115
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	1.999.165.799	-	1.999.165.799

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 11.1)	835.646.000	-
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư ngắn hạn	835.646.000	-
Đầu tư dài hạn		
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 11.2)	9.526.687.800	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 11.3)	2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh số 11.4)	41.000.000.000	41.000.000.000
Dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư dài hạn	50.726.687.800	41.200.000.000

11.1 Đầu tư chứng khoán

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị đầu tư (VNĐ)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội	85.270	835.646.000	-	-

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

11.2 Đầu tư của công ty mẹ vào công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
		Số cuối năm	Số đầu năm		
Công ty Cổ phần Thương Mại Năng Lượng Xanh	51	9.526.687.800	-	Vũng Tàu	Kinh doanh chất phụ gia xăng dầu

VND

11.3 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
		Số cuối năm	Số đầu năm		
Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu Khí	25	2.500.000.000	2.500.000.000	Thanh Hóa	Dịch vụ hậu cần

VND

11.4 Đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	Số tiền (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Số tiền (VND)
Công ty xây dựng trang trí kiến trúc ADC	1.000.000	17.000.000.000	1.000.000	17.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	1.100.000	11.000.000.000	1.100.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
TỔNG CỘNG	3.400.000	41.000.000.000	3.400.000	41.000.000.000

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo trì tòa nhà	910.121.946	-
Công cụ, dụng cụ	437.406.075	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	44.750.575	116.479.003
TỔNG CỘNG	<u>1.392.278.596</u>	<u>116.479.003</u>

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	<u>79.890.819.326</u>	-

Chi tiết vay ngắn hạn như sau:

Tên ngân hàng	Giá trị	Nợ gốc	Ngày đến hạn	Lãi suất	Mô tả tài sản thế chấp
	ban đầu				
	USD				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	1.894.463	39.477.834.366	Từ ngày 20 tháng 2 đến ngày 21 tháng 6 năm 2013	4%	Tín chấp
Ngân Hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	1.456.480	30.335.565.440	Từ ngày 21 tháng 1 đến ngày 10 tháng 2 năm 2013	Từ 4% đến 4,2%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP.HCM	483.840	10.077.419.520	Ngày 24 tháng 1 năm 2013	5%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>3.834.783</u>	<u>79.890.819.326</u>			

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	42.058.782.600	-
Phải trả cho bên thứ ba	55.005.383.903	140.051.964.072
TỔNG CỘNG	<u>97.064.166.503</u>	<u>140.051.964.072</u>

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Các bên liên quan trả tiền trước	-	7.713.687.701
Người mua trả tiền trước	2.807.949.504	8.668.790.050
TỔNG CỘNG	2.807.949.504	16.382.477.751

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.1)	1.870.318.517	9.188.374.368
Thuế thu nhập cá nhân	1.744.995.376	270.549.795
Thuế giá trị gia tăng	-	1.475.369.543
TỔNG CỘNG	3.615.313.893	10.934.293.706

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Cù Lao Tào	1.754.499.900	-
Chi phí phải trả cho dự án phần mềm bản quyền Microsoft	10.692.408.100	-
Lãi vay	157.129.723	-
Chi phí phải trả cho dự án nâng cấp server T-32	-	1.708.000.000
TỔNG CỘNG	12.604.037.723	1.708.000.000

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	2.375.603.050	965.115.650
Phải trả lãi trả chậm	827.264.444	-
Kinh phí công đoàn	294.606.255	343.136.877
Bảo hiểm xã hội	158.752.508	3.996.708
Bảo hiểm y tế	33.740.700	-
Bảo hiểm thất nghiệp	14.122.000	-
Chi phí văn phòng và bảo trì	8.246.848	500.000.000
TỔNG CỘNG	3.712.335.805	1.812.249.235

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư & phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:						VND
Số đầu năm	50.000.000.000	(448.672.631)	13.769.096.936	2.941.631.830	12.236.595.899	78.498.652.034
Chênh lệch tỷ giá hối đoái ngoại tệ	-	(178.481.073)	-	-	-	(178.481.073)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	21.309.682.573	21.309.682.573
Trích lập quỹ	-	-	6.392.904.773	1.065.484.128	(7.458.388.901)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.699.084.000)	(6.699.084.000)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.261.936.516)	(4.261.936.516)
Số cuối năm	50.000.000.000	(627.153.704)	20.162.001.709	4.007.115.958	15.126.869.055	88.668.833.018
Năm nay:						
Số đầu năm	50.000.000.000	(627.153.704)	20.162.001.709	4.007.115.958	15.126.869.055	88.668.833.018
Tăng vốn	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000
Ghi giảm chênh lệch tỷ giá hối đoái ngoại tệ	-	627.153.704	-	-	-	627.153.704
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	24.296.284.429	24.296.284.429
Trích lập quỹ	-	-	7.177.342.766	1.196.223.794	(8.373.566.560)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.050.610.000)	(7.050.610.000)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.900.000.000)	(3.900.000.000)
Số cuối năm	200.000.000.000	-	27.339.344.475	5.203.339.752	20.098.976.924	252.641.661.151

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

			VNĐ
	Số tiền theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	%	Vốn cổ phần đã góp
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29	58.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trảng An	46.200.000.000	23	46.200.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	15	29.800.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển TP.HCM	22.000.000.000	11	22.000.000.000
Các chủ sở hữu khác	44.000.000.000	22	44.000.000.000
TỔNG CỘNG	200.000.000.000	100	200.000.000.000

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu đã phát hành trong năm		
Số đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Tăng trong năm	150.000.000.000	-
Số cuối năm	<u>200.000.000.000</u>	<u>50.000.000.000</u>
Cổ tức		
Chia cổ tức	7.050.610.000	6.699.084.000
Cổ tức đã trả	5.640.122.600	5.733.968.350

19.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu đã được duyệt	20.000.000	5.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	20.000.000	5.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	5.000.000

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.101.132.733.699	741.146.349.196
Trong đó		
Doanh thu bán hàng	1.074.478.149.006	716.420.614.723
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.654.584.693	24.725.734.473
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.021.640.244)	-
Hàng bán bị trả lại	(3.021.640.244)	-
Doanh thu thuần	1.098.111.093.455	741.146.349.196
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng	1.071.456.508.762	716.420.614.723
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	26.654.584.693	24.725.734.473

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	14.387.034.679	7.971.234.068
Lãi do bán các khoản đầu tư ngắn hạn	1.696.844.823	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.510.922.431	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	477.467.481	3.254.368.930
Chiết khấu thanh toán được nhận	156.576.573	-
TỔNG CỘNG	18.228.845.987	11.225.602.998

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.024.518.694.148	671.449.117.601
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.897.096.920	3.509.468.049
TỔNG CỘNG	1.030.415.791.068	674.958.585.650

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	991.217.686	2.031.644.182
Lãi tiền vay	907.980.523	769.724.687
Lãi mua hàng trả chậm	827.264.444	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	124.031.797	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	2.300.000.000
TỔNG CỘNG	<u>2.850.494.450</u>	<u>5.101.368.869</u>

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.160.731.543	830.685.922
Thu tiền phạt chậm giao hàng của nhà cung cấp	1.091.377.173	570.338.802
Thu nhập khác	69.354.370	260.347.120
Chi phí khác	(949.629.709)	(366.310.465)
Chi phí phạt chậm giao hàng cho chủ đầu tư	(949.546.390)	(312.165.965)
Chi phí khác	(83.319)	(54.144.500)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>211.101.834</u>	<u>464.375.457</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	1.030.415.791.068	674.958.585.650
Chi phí lương cán bộ nhân viên	29.577.892.890	21.390.890.654
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và 10)	1.795.847.620	1.102.659.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.012.445.063	2.511.529.960
Chi phí khác	17.337.299.599	19.213.723.066
TỔNG CỘNG	<u>1.081.139.276.240</u>	<u>719.177.388.897</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm tài chính khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng tính thuế TNDN hiện hành được trình bày tóm tắt như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	32.561.270.586	28.557.569.885
Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận		
Chi phí không được khấu trừ	498.674.040	433.979.361
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	33.059.944.626	28.991.549.246
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	8.264.986.157	7.247.887.312
Thuế TNDN phải trả đầu năm	9.188.374.368	4.200.813.390
Thuế TNDN đã trả trong năm	(15.583.042.008)	(2.260.326.334)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	1.870.318.517	9.188.374.368

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Giá trị</i>	
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông	Mua hàng hóa	572.900.531.813	
		Mua văn phòng	44.758.142.520	
		Bán hàng hóa	78.307.444.874	
		Nhận vốn góp	43.500.000.000	
		Trả cổ tức	2.044.500.000	
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Công ty con	Bán hàng hóa	48.663.154.056	
		Góp vốn	9.526.687.800	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Giá trị</i>	
<i>Phải thu khách hàng</i>				
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông	Bán hàng hoá	9.878.266.758	
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Công ty con	Bán hàng	22.515.356.285	
			<u>32.393.623.043</u>	
<i>Phải thu khác</i>				
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông	Phải thu khác	2.512.880	
<i>Phải trả người bán</i>				
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông	Mua dầu	42.058.782.600	
<i>Phải trả khác</i>				
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông	Lãi trả chậm	827.264.444	
<i>Phải trả dài hạn</i>				
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông	Phải trả tiền mua văn phòng	50.238.731.400	

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>3.774.264.000</u>	<u>2.217.996.000</u>

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Bảng phân tích độ nhạy thể hiện sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất đối với các khoản tiền, tiền gửi có kỳ hạn, vay và nợ đối với lãi suất thả nổi.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	VNĐ Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
USD	+100	(617.930.718)
VNĐ	+100	1.440.213.044
USD	-100	617.930.718
VNĐ	-100	(1.440.213.044)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011		
USD	+100	17.378.042
VNĐ	+100	849.262.073
USD	-100	(17.378.042)
VNĐ	-100	(849.262.073)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái Công ty là không đáng kể.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 835.646.000 VNĐ. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì sẽ lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 83.564.600 VNĐ, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 83.564.600 VNĐ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tương đương tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	VNĐ Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Các khoản vay và nợ	79.890.819.326	-	-	79.890.819.326
Phải trả người bán	97.064.166.503	11.593.553.400	38.645.178.000	147.302.897.903
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	84.750.773.204	-	-	84.750.773.204
	261.705.759.033	11.593.553.400	38.645.178.000	311.944.490.433
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011				
Phải trả người bán	140.051.964.072	-	-	140.051.964.072
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	3.520.249.235	-	-	3.520.249.235
	143.572.213.307	-	-	143.572.213.307

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính riêng của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	835.646.000	-	-	-	835.646.000
- Cổ phiếu niêm yết					
- Cổ phiếu chưa niêm yết	53.026.687.800	(2.300.000.000)	43.500.000.000	(2.300.000.000)	50.726.687.800
Phải thu khách hàng	68.144.072.267	-	-	-	68.144.072.267
Phải thu các bên liên quan	32.396.135.923	-	56.021.096.230	-	32.396.135.923
Phải thu khác	75.799.655.367	-	7.071.283.065	-	75.799.655.367
Tiền và các khoản tương đương tiền	162.130.111.713	-	86.675.004.295	-	162.130.111.713
TỔNG CỘNG	392.332.309.070	(2.300.000.000)	193.267.383.590	(2.300.000.000)	390.032.309.070
					190.967.383.590
					VNĐ
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ					
Phải trả người bán	79.890.819.326	-	-	-	79.890.819.326
Phải trả các bên liên quan	55.005.383.903	-	140.051.964.072	-	55.005.383.903
Phải trả khác	92.297.514.000	-	-	-	92.297.514.000
Phải trả khác	84.750.773.204	-	3.520.249.235	-	84.750.773.204
TỔNG CỘNG	311.944.490.433	-	143.572.213.307	-	311.944.490.433
					143.572.213.307
					VNĐ

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

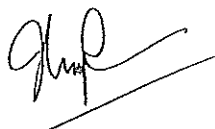
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

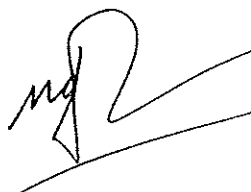
Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Các số liệu tương ứng trên các báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của các báo cáo tài chính riêng năm nay.



Phạm Thị Hồng Yên
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

